Trường : ....
Lớp : ....
Họ và tên : ....
Năm học : 20....... - 20........

Vở bài tập TOÁN 2

TẬP MỘT

$$\begin{array}{r} 52 \\ +\ 29 \\ \hline \end{array}$$



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

VỞ BÀI TẬP TOÁN 2 - TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ tám)

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Biên soạn :
ĐỖ ĐÌNH HOAN (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG
Biên tập lần đầu :
NGUYỄN THỊ BÌNH - VŨ VĂN DƯƠNG
Biên tập tái bản :
VŨ THỊ ÁI NHU
Thiết kế sách :
NGUYỄN THANH LONG
Trình bày bìa :
BÙI QUANG TUẤN
Biên tập mĩ thuật :
LƯƠNG QUỐC HIỆP
Minh hoạ :
TRẦN THUỶ HẠNH
Sửa bản in :
NGUYỄN THỊ BÌNH
Chế bản :
CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

01-2011/CXB/695-1235/GD　　　　Mã số : 1B207T1

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

VỞ BÀI TẬP TOÁN 2

1. Vở bài tập Toán 2 gồm các bài luyện tập, thực hành có cùng nội dung, mức độ như các bài tập trong sách giáo khoa, chỉ khác về hình thức thể hiện và số liệu. Do đó, trong các tiết học toán, giáo viên có thể hướng dẫn học sinh làm bài ở vở này thay cho làm các bài tập trong sách giáo khoa.

2. Cách làm các bài tập trong vở này cũng giống như cách làm các bài tập trong sách giáo khoa. Ngoài ra, học sinh còn được làm quen với một số dạng bài tập kiểu mới. Vì vậy, nếu học sinh đã làm các bài tập trong sách giáo khoa thì có thể sử dụng vở bài tập này khi tự học hoặc ôn tập.

3. Trong cùng một buổi học, không nên yêu cầu học sinh vừa làm các bài tập trong sách giáo khoa, vừa làm các bài tập cùng dạng trong vở bài tập này, gây nặng nề không cần thiết.

Bài 1 ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100

1. **Số** ?

a) Các số có một chữ số là :

	1	2			5				

b) Số bé nhất có một chữ số là : . . . .

c) Số lớn nhất có một chữ số là : . . . .

2. a) Viết tiếp các số có hai chữ số :

10				14					19
20			23		25			28	
	31					36			39
		42					47		
			53	54					
60		62				66		68	69
			73			76			
	81	82			85		87		
90				94			97		

b) Số bé nhất có hai chữ số là : . . .

c) Số lớn nhất có hai chữ số là : . . .

d) Các số tròn chục có hai chữ số là : ....

....

3. **Số** ?

a) Số liền sau của 90 là . . .

b) Số liền trước của 90 là . . .

c) Số liền trước của 10 là . . .

d) Số liền sau của 99 là . . .

e) Số tròn chục liền sau của 70 là . . .

Bài 2 ___ ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 (tiếp theo) ___

1. Viết (theo mẫu) :

Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
7	8	78	Bảy mươi tám
9	5	95	
6	1		
2	4		

78 = 70 + 8

95 = ...

....

....

2. $>$ $<$ $=$?

52 . . . 56   69 . . . 96   70 + 4 . . . 74

81 . . . 80   88 . . . 80 + 8   30 + 5 . . . 53

3. Viết các số 42, 59, 38, 70 :

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn : ....

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé : ....

4. Nối số thích hợp với ô trống :

a) ☐ < 20   b) ☐ > 70

(30) (20) (10)   (60) (70) (80) (90)

5. Số bé nhất có hai chữ số giống nhau là : . . .

Bài 3 SỐ HẠNG - TỔNG

1. Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Số hạng	14	31	44	3	68
Số hạng	2	7	25	52	0
Tổng	16				

2. Viết phép cộng rồi tính tổng (theo mẫu), biết :

a) Các số hạng là 25 và 43

Mẫu :

$$\begin{array}{r} 25 \\ +\ 43 \\ \hline 68 \end{array}$$

b) Các số hạng là 72 và 11

....

....

....

c) Các số hạng là 40 và 37

....

....

....

d) Các số hạng là 5 và 71

....

....

....

3. Trong một khu vườn có 20 cây cam và 35 cây quýt. Hỏi trong khu vườn đó có bao nhiêu cây cam và quýt ?

Bài giải

....

....

....

4. **Số** ?   15 + ☐ = 15   ☐ + 24 = 24

Bài 4 LUYỆN TẬP

1. Tính :

$$\begin{array}{r} 23 \\ +\ 51 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 40 \\ +\ 19 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 6 \\ +\ 72 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 64 \\ +\ 24 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 33 \\ +\ 3 \\ \hline \dots \end{array}$$

2. Tính nhẩm :

60 + 20 + 10 = . . .　　40 + 10 + 20 = . . .　　30 + 20 + 20 = . . .

60 + 30 = . . .　　40 + 30 = . . .　　30 + 40 = . . .

3. Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là :

34 và 42　　40 và 24　　8 và 31

....　　...............　　...............

....　　...............　　...............

....　　...............　　...............

4. Mẹ nuôi 22 con gà và 10 con vịt. Hỏi mẹ nuôi tất cả bao nhiêu con gà và vịt ?

Bài giải

....

....

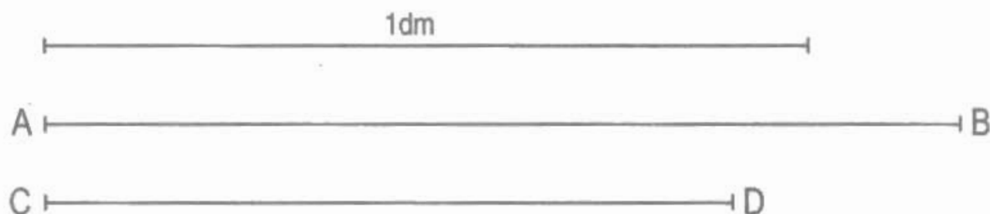
....

5. Điền chữ số thích hợp vào ô trống :

$$\begin{array}{r} 2\ 5 \\ +\ 3\ \square \\ \hline 5\ 6 \end{array} \qquad \begin{array}{r} \square\ 4 \\ +\ 3\ 2 \\ \hline 6\ 6 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 6\ \square \\ +\ 2\ 4 \\ \hline \square\ 4 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 5\ \square \\ +\ \square\ 6 \\ \hline 7\ 8 \end{array}$$

Bài 5 — ĐỀ - XI - MÉT

1. Xem hình vẽ :



a) Viết *bé hơn* hoặc *lớn hơn* vào chỗ chấm thích hợp :

– Độ dài đoạn thẳng AB .... 1dm.

– Độ dài đoạn thẳng CD .... 1dm.

b) Viết *ngắn hơn* hoặc *dài hơn* vào chỗ chấm thích hợp :

– Đoạn thẳng AB .... đoạn thẳng CD.

– Đoạn thẳng CD .... đoạn thẳng AB.

2. Tính (theo mẫu) :

a) 1dm + 1dm = 2dm

2dm + 3dm = ...

7dm + 3dm = ...

8dm + 10dm = ...

b) 5dm – 3dm = 2dm

10dm – 5dm = ...

18dm – 6dm = ...

49dm – 3dm = ...

3. Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài 1dm.

....

4. > < = ?

1dm . . . 10cm

1dm . . . 8cm

1dm . . . 15cm

1dm + 1dm . . . 10cm + 8cm

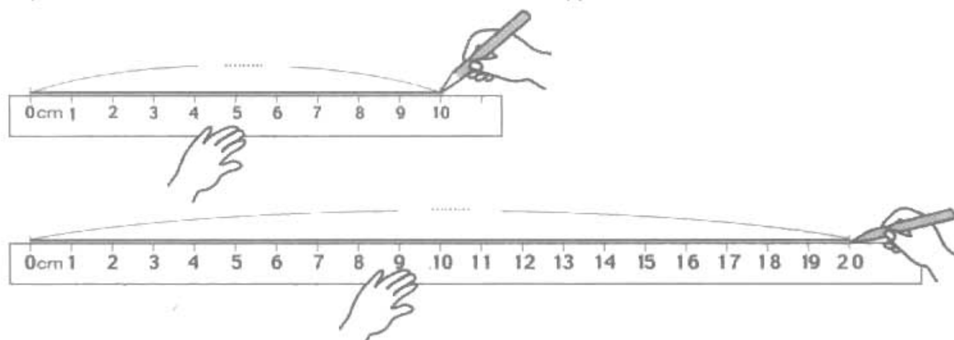
1dm + 1dm . . . 10cm + 12cm

2dm . . . 10cm + 10cm

Bài 6 — LUYỆN TẬP

1. a) Số ? 1dm = ... cm 10cm = ... dm

b) Viết 1dm, 2dm vào chỗ chấm thích hợp :



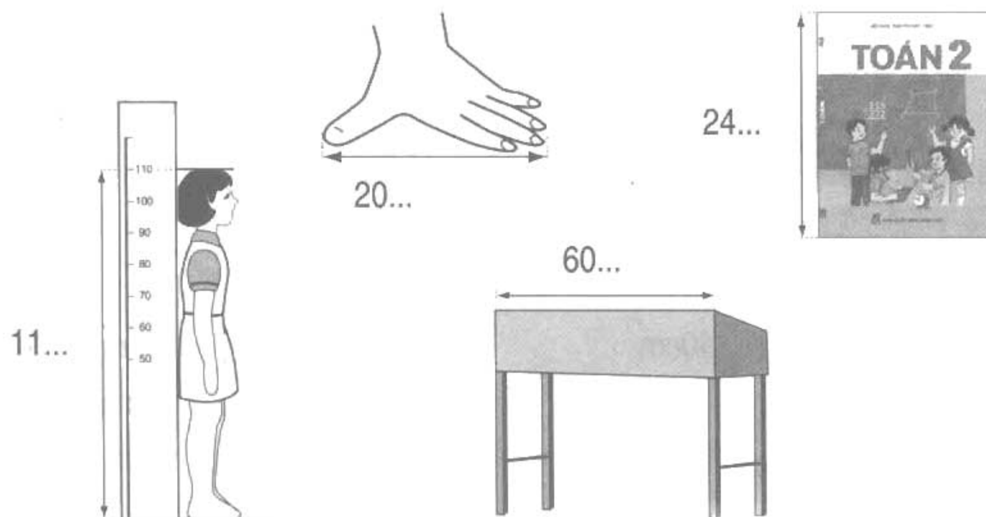
2. Số ?

2dm = ... cm	20cm = ... dm
3dm = ... cm	30cm = ... dm
5dm = ... cm	50cm = ... dm
9dm = ... cm	90cm = ... dm

3. > < = ?

8dm ... 80cm	9dm − 4dm ... 40cm
3dm ... 20cm	2dm + 3dm ... 50cm
4dm ... 60cm	1dm + 4dm ... 60cm

4. Viết cm hoặc dm vào chỗ chấm thích hợp :



Bài 7 SỐ BỊ TRỪ - SỐ TRỪ - HIỆU

1. Nối (theo mẫu) :

Số bị trừ   Số trừ   Hiệu

39 - 5 = 34   66 - 22 = 44

2. **Số** **?**

Số bị trừ	28	60	98	79	16	75
Số trừ	7	10	25	70	0	75
Hiệu						

3. Đặt tính rồi tính hiệu (theo mẫu), biết :

a) Số bị trừ là 79, số trừ là 25

Mẫu :

$$\begin{array}{r} -\;79 \\ 25 \\ \hline 54 \end{array}$$

b) Số bị trừ là 87, số trừ là 32

....

....

....

c) Số bị trừ là 68, số trừ là 18

....

....

....

d) Số bị trừ là 49, số trừ là 40

....

....

....

4. Mẹ có mảnh vải dài 9dm, mẹ may túi hết 5dm. Hỏi mảnh vải còn lại dài mấy đề - xi - mét ?

Bài giải

....

....

....

5. Viết ba phép trừ có số bị trừ bằng số trừ : ....

....

Bài 8 ______ LUYỆN TẬP ______

1. Tính nhẩm :

a) 80 – 20 – 10 = . . .　　b) 70 – 30 – 20 = . . .　　c) 90 – 20 – 20 = . . .

80 – 30 = . . .　　70 – 50 = . . .　　90 – 40 = . . .

2. Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

67 và 25　　99 và 68　　44 và 14

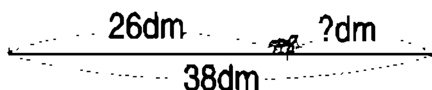
....　　..........　　..........

....　　..........　　..........

....　　..........　　..........

3. Một sợi dây phơi dài 38dm. Một con kiến bò từ một đầu của sợi dây và đã bò được 26dm. Hỏi con kiến phải bò tiếp bao nhiêu đề - xi - mét để đến đầu kia của sợi dây ?

Bài giải



....

....

....

4. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

44 – 4 = ?

A. 4

B. 48

C. 40

D. 84

Bài 9 — LUYỆN TẬP CHUNG

1. Viết các số :

a) Từ 90 đến 100 : ....

....

b) Tròn chục và bé hơn 70 : ....

2. Số ? a) Số liền sau của 79 là . . . ; d) Số liền trước của 11 là . . .

b) Số liền trước của 90 là . . . ; e) Số lớn hơn 25 và bé hơn 27 là . . .

c) Số liền sau của 99 là . . . ; g) Số lớn hơn 42 và bé hơn 45 là . . .

3. Đặt tính rồi tính :

42 + 24   86 − 32   32 + 57   99 − 18

....

....

....

4. Mẹ hái được 32 quả cam, chị hái được 35 quả cam. Hỏi cả mẹ và chị hái được bao nhiêu quả cam ?

Bài giải

....

....

....

5. Phép cộng có các số hạng bằng nhau và bằng tổng là :

....

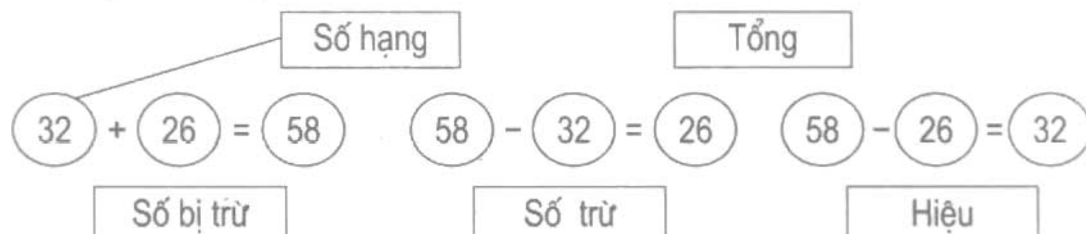
Bài 10 ______ LUYỆN TẬP CHUNG ______

1. Viết theo mẫu :

Mẫu : 28 = 20 + 8 | 96 = ... | 47 = ...

34 = ... | 55 = ... | 69 = ...

2. Nối (theo mẫu) :



3. Đặt tính rồi tính :

40 + 27 | 64 – 12 | 24 + 24 | 48 – 24

....

....

....

4. Mẹ và chị hái được 68 quả quýt, mẹ hái được 32 quả quýt. Hỏi chị hái được bao nhiêu quả quýt ?

Bài giải

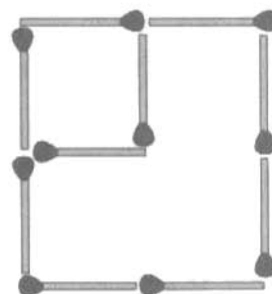
....

....

....

5. Số ? 10cm = . . . dm 1dm = . . . cm

20cm = . . . dm 2dm = . . . cm

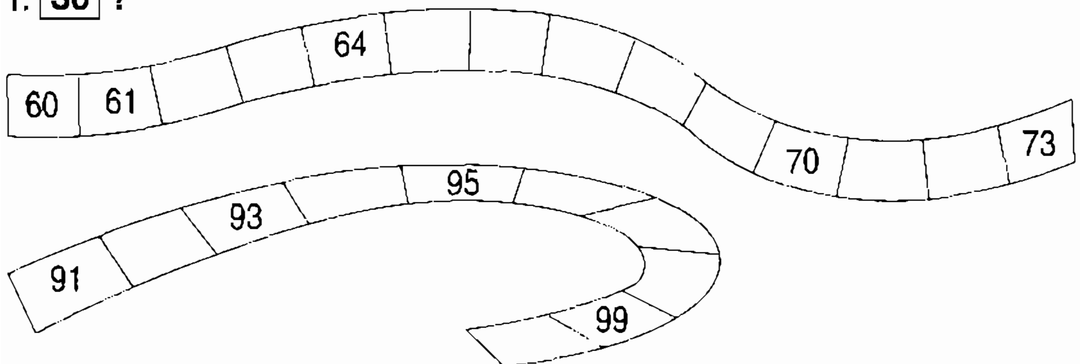


6. Đố vui : 10 que diêm có thể xếp thành 2 hình vuông (xem hình vẽ). Hãy chuyển chỗ của 2 que diêm để có 3 hình vuông.

Nêu các cách làm khác nhau.

TỰ KIỂM TRA

1. **Số** ?



2. **Số** ?

a) Số liền sau của 99 là . . .

b) Số liền trước của 11 là . . .

3. **Tính :**

$\begin{array}{r}31\\+\ 27\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}68\\-\ 33\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}40\\+\ 25\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}79\\-\ 77\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}6\\+\ 32\\\hline\end{array}$
. . .	. . .	. . .	. . .	. . .

4. Mẹ và chị hái được 48 quả cam, riêng mẹ hái được 22 quả cam. Hỏi chị hái được bao nhiêu quả cam ?

Bài giải

....

....

....

5. **Vẽ đoạn thẳng AB có độ dài 1dm.**

....

6. **Trong các số em đã học, số bé nhất là : . . .**

Bài 11 PHÉP CỘNG CÓ TỔNG BẰNG 10

1. a) Số ?

6 + . . . = 10   2 + . . . = 10   9 + . . . = 10   3 + . . . = 10

4 + . . . = 10   8 + . . . = 10   1 + . . . = 10   . . . + 3 = 10

b) Viết (theo mẫu) :

10 = 9 + 1   10 =. . . . . . .   10 =. . . . . . .   10 =. . . . . . .   10 =. . . . . . .

10 =. . . . . . .   10 =. . . . . . .   10 =. . . . . . .   10 =. . . . . . .   10 =. . . . . . .

2. Đặt tính rồi tính :

5 + 5	7 + 3	1 + 9	6 + 4	10 + 0
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....

3. Tính nhẩm :

9 + 1 + 2 = . . .   6 + 4 + 5 = . . .   5 + 5 + 8 = . . .

8 + 2 + 4 = . . .   7 + 3 + 1 = . . .   4 + 6 + 0 = . . .

4. Số ?



. . . giờ



. . . giờ



. . . giờ

5. Số ?

a) Buổi sáng em thức dậy lúc . . . giờ.

b) Mỗi ngày em học khoảng . . . giờ.

Bài 12 ______ 26 + 4 ; 36 + 24 ______

1. Đặt tính rồi tính :

a) 32 + 8 61 + 9 56 + 4 73 + 7

....

....

....

b) 48 + 22 65 + 15 79 + 11 34 + 46

....

....

....

2. Tổ 1 trồng được 17 cây, tổ 2 trồng được 23 cây. Hỏi hai tổ trồng được tất cả bao nhiêu cây ?

Bài giải

....

....

....

3. Viết 5 phép cộng có tổng là số tròn chục (theo mẫu) :

31 + 19 = 50 ; ....

....

4. Dùng thước và bút nối các điểm để có :

a) Một hình vuông. b) Hai hình tam giác.





Bài 13 LUYỆN TẬP

1. Tính nhẩm :

9 + 1 + 8 = . . .　　5 + 5 + 4 = . . .　　8 + 2 + 2 = . . .

9 + 1 + 6 = . . .　　7 + 3 + 2 = . . .　　6 + 4 + 1 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

34 + 26	75 + 5	8 + 62	59 + 21
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

3. Số ?

(22) —+ 8→ [ ]　　(87) —+ 3→ [ ]　　(25) —+ 25→ [ ]

(33) —+ 7→ [ ] —+ 8→ [ ]　　(27) —+ 33→ [ ] —+ 20→ [ ]

4. Bố may áo khoác hết 19dm vải. mav quần hết 11dm vải. Hỏi bố may áo khoác và quần hết bao nhiêu đề - xi - mét vải ?

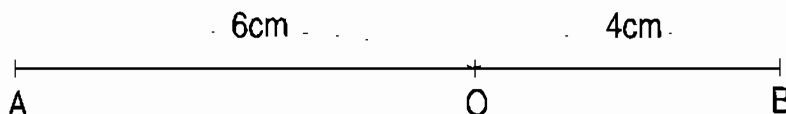
Bài giải

....

....

....

5. Số ?



Đoạn thẳng AO dài . . . cm.

Đoạn thẳng OB dài . . . cm.

Đoạn thẳng AB dài . . . cm hoặc . . . dm.

Bài 14 — 9 CỘNG VỚI MỘT SỐ : 9 + 5

1. a) Tính nhẩm :

9 + 2 = . . .	9 + 4 = . . .	9 + 5 = . . .	9 + 6 = . . .	9 + 8 = . . .
2 + 9 = . . .	4 + 9 = . . .	5 + 9 = . . .	6 + 9 = . . .	8 + 9 = . . .

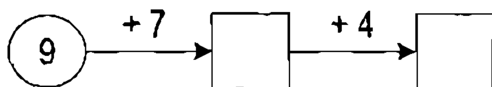
b) Viết tiếp vào chỗ chấm :

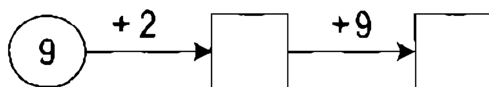
Trong phép cộng, khi đổi chỗ các số hạng thì tổng ....

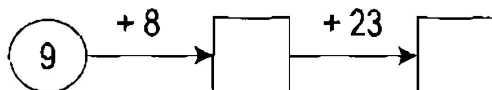
2. Đặt tính rồi tính :

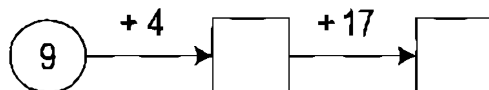
9 + 6	9 + 9	9 + 4	9 + 3	9 + 7
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....

3. Số ?









4. Trong vườn có 9 cây cam, mẹ trồng thêm 8 cây cam nữa. Hỏi trong vườn đó có tất cả bao nhiêu cây cam ?

Bài giải

....

....

....

Bài 15 — 29 + 5

1. Tính :

$$\begin{array}{r}79\\+\ \ 3\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}89\\+\ \ 5\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}29\\+\ \ 9\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}69\\+\ \ 6\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}49\\+\ \ 7\\\hline\dots\end{array}$$

$$\begin{array}{r}19\\+\ \ 4\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}39\\+\ \ 8\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}59\\+\ \ 2\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}9\\+\ 39\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}89\\+\ \ 1\\\hline\dots\end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là :

29 và 8	49 và 9	79 và 6
....	....	....
....	....	....
....	....	....

3. Một cửa hàng buổi sáng bán được 19 cái áo sơ mi, buổi chiều bán được 8 cái áo sơ mi. Hỏi cả hai buổi cửa hàng đó bán được bao nhiêu cái áo sơ mi ?

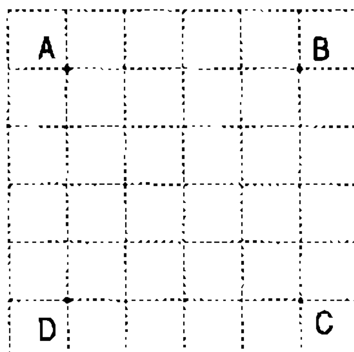
Bài giải

....

....

....

4. Nối các điểm để có một hình vuông và hai hình tam giác.



Bài 16 49 + 25

1. Đặt tính rồi tính :

29 + 35	59 + 32	49 + 16	39 + 38
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....
19 + 49	89 + 6	8 + 79	66 + 29
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

2. Số ?

Số hạng	19	59	49	9
Số hạng	16	28	22	69
Tổng				

3. Lớp 2A có 29 học sinh, lớp 2B cũng có 29 học sinh. Hỏi cả hai lớp đó có bao nhiêu học sinh ?

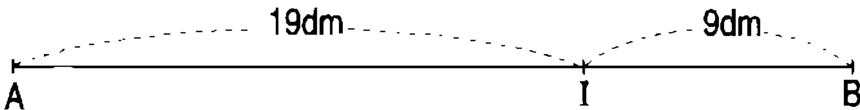
Bài giải

....

....

....

4. Viết phép tính theo câu lời giải :



Độ dài của đoạn thẳng AB là :

....

Bài 17 LUYỆN TẬP

1. **Số** ?

9 + 3 = . . .	9 + 8 = . . .	2 + 9 = . . .	6 + 9 = . . .
9 + 7 = . . .	9 + 6 = . . .	7 + 9 = . . .	9 + 2 = . . .
9 + 5 = . . .	9 + 4 = . . .	9 + 9 = . . .	9 + 1 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

49 + 25	79 + 9	29 + 36	59 + 8	39 + 17
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....

3. **>, <, =** ?

9 + 6 . . . 16	9 + 9 . . . 9 + 7	9 + 4 . . . 4 + 9
9 + 6 . . . 15	9 + 8 . . . 9 + 9	9 + 3 . . . 5 + 9

4. Trong sân có 29 con gà và 15 con vịt Hỏi cả gà và vịt ở trong sân có bao nhiêu con ?

Bài giải

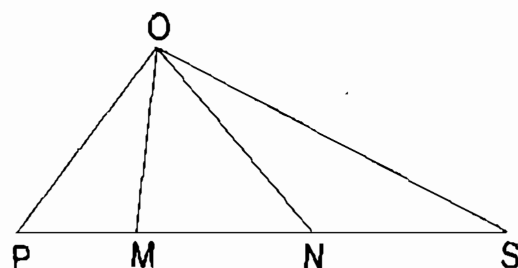
....

....

....

5. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Trong hình vẽ có mấy hình tam giác ?



A. 3 hình tam giác

B. 4 hình tam giác

C. 5 hình tam giác

D. 6 hình tam giác

Bài 18 — 8 CỘNG VỚI MỘT SỐ : 8 + 5

1. Tính nhẩm :

8 + 2 = . . .   8 + 3 = . . .   8 + 4 = . . .   8 + 5 = . . .   8 + 6 = . . .   8 + 7 = . . .

8 + 8 = . . .   8 + 9 = . . .   4 + 8 = . . .   5 + 8 = . . .   6 + 8 = . . .   7 + 8 = . . .

2. Tính :

$$\begin{array}{r}8\\+\ 4\\\hline\ldots\end{array}\qquad\begin{array}{r}8\\+\ 8\\\hline\ldots\end{array}\qquad\begin{array}{r}8\\+\ 7\\\hline\ldots\end{array}\qquad\begin{array}{r}8\\+\ 5\\\hline\ldots\end{array}\qquad\begin{array}{r}8\\+\ 9\\\hline\ldots\end{array}\qquad\begin{array}{r}8\\+\ 6\\\hline\ldots\end{array}$$

3. Tính nhẩm :

8 + 5 = . . .	8 + 7 = . . .	8 + 4 = . . .
8 + 2 + 3 = . . .	8 + 2 + 5 = . . .	8 + 2 + 2 = . . .
9 + 5 = . . .	9 + 7 = . . .	9 + 8 = . . .
9 + 1 + 4 = . . .	9 + 1 + 6 = . . .	9 + 1 + 7 = . . .

4. Hoa có 8 con tem, Hoa mua thêm 4 con tem nữa. Hỏi Hoa có tất cả bao nhiêu con tem ?



Bài giải

....

....

....

5. Số ?

8 + ☐ = 14 ;   ☐ + 8 = 13 ;   9 + ☐ = 15.

Bài 19 — 28 + 5

1. Tính :

$$\begin{array}{r}28\\+\;\;3\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}18\\+\;\;4\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}68\\+\;\;5\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}38\\+\;\;6\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}28\\+\;\;7\\\hline\dots\end{array}$$

$$\begin{array}{r}78\\+\;\;2\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}88\\+\;\;8\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}48\\+\;\;9\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}40\\+\;\;8\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}48\\+\;\;7\\\hline\dots\end{array}$$

2. Nối phép tính với kết quả đúng :

38 + 5	28 + 9	18 + 7

(85) (51) (43) (47) (37) (25)

48 + 3	78 + 7	39 + 8

3. Trên bãi cỏ có 18 con bò và 7 con trâu. Hỏi trên bãi cỏ đó cả trâu và bò có bao nhiêu con ?

Bài giải

....

....

....

4. Vẽ đoạn thẳng có độ dài 6cm.

....

Bài 20 — 38 + 25

1. Tính :

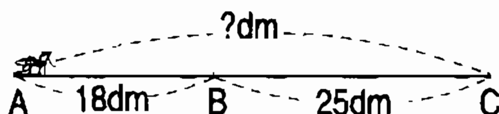
$$\begin{array}{r}28\\+\ 45\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}48\\+\ 36\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}68\\+\ 13\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}18\\+\ 59\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}58\\+\ 27\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}38\\+\ 38\\\hline\dots\end{array}$$

$$\begin{array}{r}28\\+\ 7\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}88\\+\ 4\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}78\\+\ 12\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}68\\+\ 11\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}44\\+\ 8\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}48\\+\ 33\\\hline\dots\end{array}$$

2. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	8	18	48	58	10	88
Số hạng	5	26	24	3	28	11
Tổng						

3. Đoạn thẳng AB dài 18dm, đoạn thẳng BC dài 25dm. Con kiến đi từ A đến C (qua B) phải đi hết đoạn đường dài bao nhiêu đề-xi-mét ? (Xem hình vẽ).



Bài giải

....

....

....

4. > < = ?

8 + 5 . . . 8 + 4   18 + 9 . . . 19 + 8

8 + 9 . . . 9 + 8   18 + 8 . . . 19 + 9

8 + 5 . . . 8 + 6   18 + 10 . . . 17 + 10

Bài 21 — LUYỆN TẬP

1. Tính nhẩm :

8 + 2 = . . .   8 + 3 = . . .   8 + 4 = . . .   8 + 5 = . . .   8 + 6 = . . .

8 + 7 = . . .   8 + 8 = . . .   8 + 9 = . . .   8 + 10 = . . .   8 + 0 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

18 + 35	38 + 14	78 + 9	28 + 17	68 + 16
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....

3. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Tấm vải xanh dài : 48dm

Tấm vải đỏ dài : 35dm

Cả hai tấm vải dài : ... dm ?

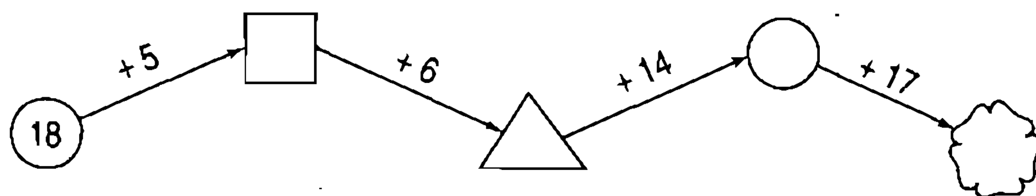
Bài giải

....

....

....

4. **Số** ?



5. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

28 + 4 = ?

A. 68

B. 22

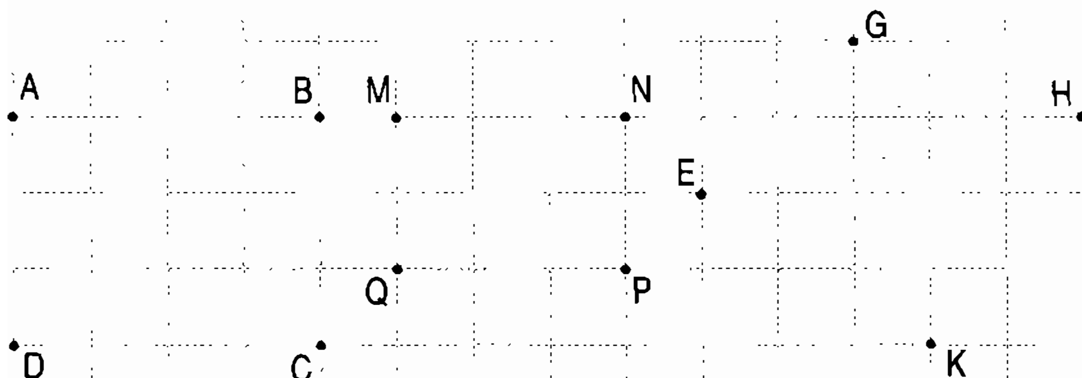
C. 32

D. 24

Bài 22 ___ HÌNH CHỮ NHẬT - HÌNH TỨ GIÁC ___

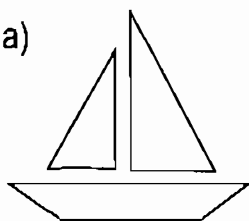
1. Dùng thước và bút nối các điểm để được :

a) Hình chữ nhật. b) Hình tứ giác.

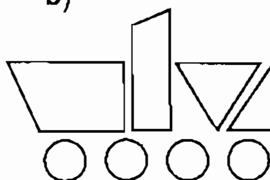


2. Tô màu vào hình tứ giác có trong mỗi hình vẽ sau :

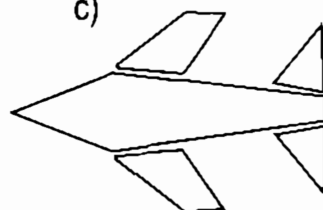
a)



b)



c)

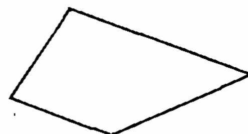


3. Kẻ thêm một đoạn thẳng trong hình sau để được :

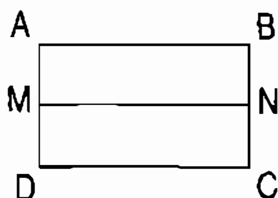
a) Một hình chữ nhật và một hình tam giác.



b) Ba hình tứ giác.



4. Ghi tên tất cả các hình chữ nhật có trong hình sau :



Các hình chữ nhật có trong hình là :

....

....

Bài 23 — BÀI TOÁN VỀ NHIỀU HƠN

1. Hoà có 6 bút chì màu, Lan có nhiều hơn Hoà 2 bút chì màu. Hỏi Lan có mấy bút chì màu ?

Tóm tắt   Bài giải

Hoà có : . . . bút chì màu ....

Lan nhiều hơn Hoà : . . . bút chì màu ....

Lan có : . . . bút chì màu ? ....

2. Nam có 12 nhãn vở, Bắc có nhiều hơn Nam 4 nhãn vở. Hỏi Bắc có bao nhiêu nhãn vở ?

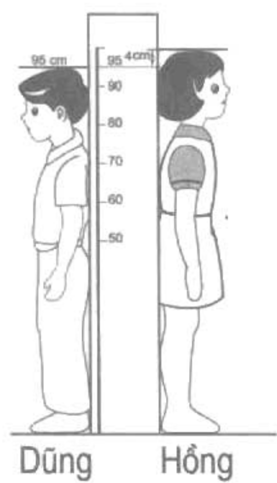
Tóm tắt   Bài giải

Nam có : . . . nhãn vở ....

Bắc nhiều hơn Nam : . . . nhãn vở ....

Bắc có : . . . nhãn vở ? ....

3. Dũng cao 95cm, Hồng cao hơn Dũng 4cm. Hỏi Hồng cao bao nhiêu xăng-ti-mét ?



Bài giải

....

....

....

4. Viết số thích hợp vào ô trống :

1	3	5			11			17

Bài 24 ——— LUYỆN TẬP

1. Hộp của An có 8 bút chì màu, hộp của Bình có nhiều hơn hộp của An 4 bút chì màu. Hỏi hộp của Bình có bao nhiêu bút chì màu ?



Bài giải

....

....

....

2. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Bài giải

Đội 1 : 18 người ....

Đội 2 nhiều hơn đội 1 : 2 người ....

Đội 2 : ... người ? ....

3. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Bài giải

12 nhãn vở

Mai : ....

3 nhãn vở

Hồng : ....

? nhãn vở

....

4. Đoạn thẳng AB dài 8cm, đoạn thẳng CD dài hơn đoạn thẳng AB 3cm.

a) Hỏi đoạn thẳng CD dài bao nhiêu xăng-ti-mét ?

b) Vẽ đoạn thẳng CD.

Bài giải

a) ....

....

....

b) ....

Bài 25 — 7 CỘNG VỚI MỘT SỐ : 7 + 5

1. Tính nhẩm :

7 + 4 = . . .   7 + 5 = . . .   7 + 6 = . . .   7 + 8 = . . .   7 + 9 = . . .   7 + 7 = . . .

4 + 7 = . . .   5 + 7 = . . .   6 + 7 = . . .   8 + 7 = . . .   9 + 7 = . . .   7 + 0 = . . .

2. Tính :

7	7	7	7	7	7
+ 9	+ 8	+ 7	+ 6	+ 4	+ 3
. . .	. . .	. . .	. . .	. . .	. . .

3. Nối (theo mẫu) :

7 + 5	7 + 3 + 4	7 + 6	7 + 3 + 6
7 + 7	7 + 3 + 2	7 + 9	7 + 3 + 3

4. Hoa 7 tuổi, chị của Hoa hơn Hoa 5 tuổi. Hỏi chị của Hoa bao nhiêu tuổi ?

Bài giải

....

....

....

5. Điền dấu + hoặc dấu – vào chỗ chấm để được kết quả đúng :

a) 7 . . . 8 = 15   b) 7 . . . 3 . . . 7 = 11

Bài 26 — 47 + 5

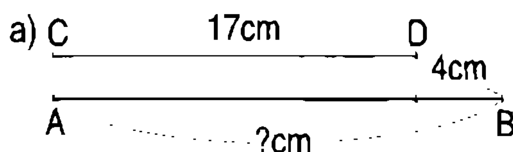
1. Tính :

$\begin{array}{r} 87 \\ +\ \ 4 \\ \hline \end{array}$ ...	$\begin{array}{r} 77 \\ +\ \ 5 \\ \hline \end{array}$ ...	$\begin{array}{r} 67 \\ +\ \ 6 \\ \hline \end{array}$ ...	$\begin{array}{r} 57 \\ +\ \ 7 \\ \hline \end{array}$ ...	$\begin{array}{r} 47 \\ +\ \ 8 \\ \hline \end{array}$ ...
$\begin{array}{r} 37 \\ +\ \ 9 \\ \hline \end{array}$ ...	$\begin{array}{r} 27 \\ +\ \ 3 \\ \hline \end{array}$ ...	$\begin{array}{r} 17 \\ +\ 10 \\ \hline \end{array}$ ...	$\begin{array}{r} 7 \\ +\ 18 \\ \hline \end{array}$ ...	$\begin{array}{r} 18 \\ +\ \ 7 \\ \hline \end{array}$ ...

2. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	17	28	39	47	7	67
Số hạng	6	5	4	7	23	9
Tổng						

3. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

a) 

b) Bình : 17 bưu ảnh
Hoà nhiều hơn Bình : 4 bưu ảnh
Hoà : ... bưu ảnh ?

Bài giải

....
....
....

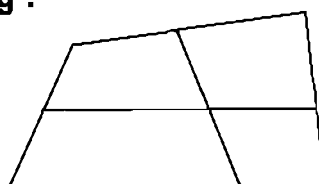
Bài giải

....
....
....

4. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

Số hình tứ giác có trong hình vẽ là :

A. 4 C. 6
B. 5 D. 9



Bài 27 — 47 + 25

1. Tính :

$\begin{array}{r} 27 \\ +\ 14 \\ \hline \dots \end{array}$ $\begin{array}{r} 47 \\ +\ 26 \\ \hline \dots \end{array}$ $\begin{array}{r} 37 \\ +\ 35 \\ \hline \dots \end{array}$ $\begin{array}{r} 18 \\ +\ 57 \\ \hline \dots \end{array}$ $\begin{array}{r} 67 \\ +\ 19 \\ \hline \dots \end{array}$

$\begin{array}{r} 77 \\ +\ 5 \\ \hline \dots \end{array}$ $\begin{array}{r} 27 \\ +\ 18 \\ \hline \dots \end{array}$ $\begin{array}{r} 39 \\ +\ 7 \\ \hline \dots \end{array}$ $\begin{array}{r} 18 \\ +\ 27 \\ \hline \dots \end{array}$ $\begin{array}{r} 29 \\ +\ 67 \\ \hline \dots \end{array}$

2. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

$\begin{array}{r} 37 \\ +\ 5 \\ \hline 42 \end{array}$ ☐ $\begin{array}{r} 37 \\ +\ 4 \\ \hline 77 \end{array}$ ☐ $\begin{array}{r} 67 \\ +\ 24 \\ \hline 81 \end{array}$ ☐ $\begin{array}{r} 27 \\ +\ 72 \\ \hline 99 \end{array}$ ☐ $\begin{array}{r} 7 \\ +\ 18 \\ \hline 88 \end{array}$ ☐

3. Một đội sửa đường có 17 nữ và 19 nam. Hỏi đội đó có bao nhiêu người ?

Bài giải

....

....

....

4. Điền chữ số thích hợp vào ô trống :

$\begin{array}{r} 5\square \\ +\ \ 4 \\ \hline 61 \end{array}$ $\begin{array}{r} 37 \\ +\ 2\square \\ \hline 62 \end{array}$ $\begin{array}{r} \square 7 \\ +\ 2\square \\ \hline 55 \end{array}$

Bai 28 — LUYỆN TẬP

1. Tính nhẩm :

7 + 1 = . . .   7 + 2 = . . .   7 + 3 = . . .   7 + 4 = . . .   7 + 5 = . . .

7 + 6 = . . .   7 + 7 = . . .   7 + 8 = . . .   7 + 9 = . . .   7 + 0 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

27 + 35	47 + 18	77 + 9	68 + 27	7 + 47
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....

3. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Bài giải

Trứng gà : 47 quả ....

Trứng vịt : 28 quả ....

Cả hai loại trứng: ... quả ? ....

4. Nối phép tính thích hợp với ô trống (theo mẫu) :

8 + 6   17 + 4   19 + 4   47 − 12

27 − 5   17 + 8

15 < □ < 25

5. > < = ?

19 + 7 . . . 19 + 9   37 + 15 . . . 55 − 1

17 + 7 . . . 17 + 9   38 − 8 . . . 23 + 7

17 + 9 . . . 19 + 7   28 − 3 . . . 17 + 6

Bài 29 BÀI TOÁN VỀ ÍT HƠN

1. Tổ 1 gấp được 17 cái thuyền, tổ 2 gấp được ít hơn tổ 1 là 7 cái thuyền. Hỏi tổ 2 gấp được bao nhiêu cái thuyền ?

Tóm tắt

Tổ 1 : 17 cái thuyền

Tổ 2 ít hơn tổ 1 : 7 cái thuyền

Tổ 2 : ... cái thuyền ?

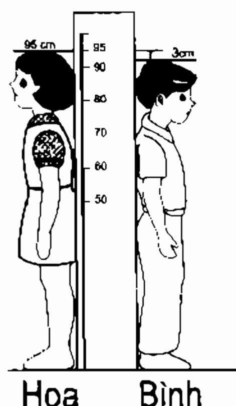
Bài giải

....

....

....

2.



Hoa cao 95cm, Bình thấp hơn Hoa 3cm. Hỏi Bình cao bao nhiêu xăng-ti-mét ?

Bài giải

....

....

....

3. Lớp 2A có 19 học sinh gái, số học sinh trai của lớp ít hơn số học sinh gái 3 bạn. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu học sinh trai ?

Bài giải

....

....

....

4. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Tóm tắt

Vườn nhà Mai : 25 cây

Vườn nhà Hoa ít hơn vườn nhà Mai : 5 cây

Vườn nhà Hoa : ... cây ?

Bài giải

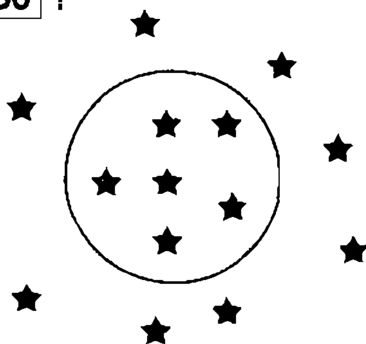
....

....

....

Bài 30 LUYỆN TẬP

1. Số ?



– Trong hình tròn có . . . ngôi sao.
– Ngoài hình tròn có . . . ngôi sao.
– Số ngôi sao ở ngoài hình tròn nhiều hơn số ngôi sao ở trong hình tròn là :
..........– ....= . . . (ngôi sao)
– Số ngôi sao ở trong hình tròn ít hơn số ngôi sao ở ngoài hình tròn là :
..........– ....= . . . (ngôi sao)

– Để số ngôi sao ở ngoài hình tròn bằng số ngôi sao ở trong hình tròn, em phải vẽ vào trong hình tròn thêm . . . ngôi sao nữa.

2. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

a) Anh : 15 tuổi
Em kém anh : 5 tuổi
Em : ... tuổi ?

Bài giải

....
....
....

b) Em : 10 tuổi
Anh hơn em : 5 tuổi
Anh : ... tuổi ?

Bài giải

....
....
....

3. Toà nhà thứ nhất có 17 tầng, toà nhà thứ hai có ít hơn toà nhà thứ nhất 6 tầng. Hỏi toà nhà thứ hai có bao nhiêu tầng ?

Bài giải

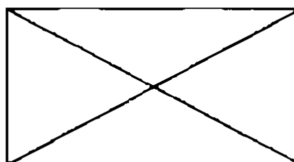
....
....
....

4. Số ?

Trong hình bên :

a) Có . . . hình chữ nhật.

b) Có . . . hình tam giác.



Bài 31 KI-LÔ-GAM

1. Đọc, viết (theo mẫu) :

	5kg	2kg	1kg	1kg 2kg
Đọc	Năm ki-lô-gam	...	...	...
Viết	5kg	...	...	3kg

2. Tính (theo mẫu) :

1kg + 2kg = 3kg

16kg + 10kg = . . .

27kg + 8kg = . . .

30kg − 20kg = . . .

26kg − 14kg = . . .

10kg − 4kg = . . .

3. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Bao gạo to : 50kg
Bao gạo bé : 30kg } ? kg

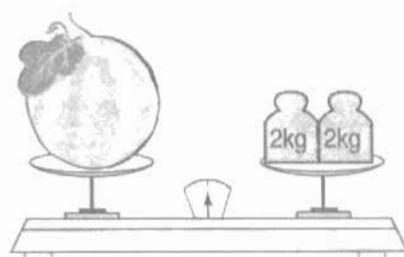
Bài giải

....

....

....

4. Số **?**



Nhìn vào cân, em biết quả dưa cân nặng ... kg.

LUYỆN TẬP

1. Số ?

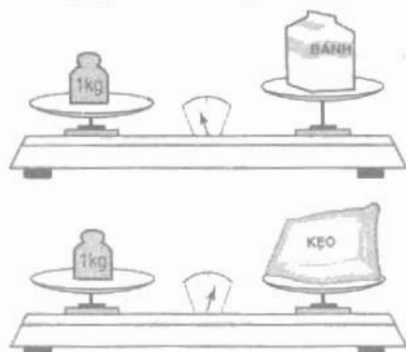






Gói đường cân nặng . . . kg ; Cam cân nặng . . . kg ; Quả bí ngô cân nặng . . . kg

2. Đúng ghi Đ, sai ghi S :



- Gói bánh nặng hơn 1kg ☐
- Gói bánh nhẹ hơn 1kg ☐
- Gói kẹo nặng hơn 1kg ☐
- Gói kẹo nhẹ hơn 1kg ☐
- Gói bánh nặng hơn gói kẹo ☐
- Gói bánh nhẹ hơn gói kẹo ☐

3. Tính :

2kg + 3kg − 4kg = . . . 6kg − 3kg + 5kg = . . .

15kg − 10kg + 5kg = . . . 16kg + 4kg − 10kg = . . .

4. Mẹ mua về 25kg vừa gạo tẻ vừa gạo nếp, trong đó có 20kg gạo tẻ. Hỏi mẹ mua về bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp ?

Bài giải

....

....

....

5. Con ngỗng cân nặng 6kg, con gà nhẹ hơn con ngỗng 4kg. Hỏi con gà cân nặng mấy ki-lô-gam ?

Bài giải

....

....

....

Bài 33 ______ 6 CỘNG VỚI MỘT SỐ : 6 + 5 ______

1. Tính nhẩm :

6 + 1 = . . .	6 + 2 = . . .	6 + 3 = . . .	6 + 4 = . . .	6 + 5 = . . .
6 + 6 = . . .	6 + 7 = . . .	6 + 8 = . . .	6 + 9 = . . .	6 + 0 = . . .

2. Tính :

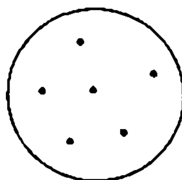
$$\begin{array}{r} 6 \\ +\;4 \\ \hline \ldots \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ +\;5 \\ \hline \ldots \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ +\;6 \\ \hline \ldots \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ +\;7 \\ \hline \ldots \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ +\;8 \\ \hline \ldots \end{array}$$

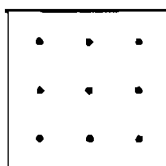
$$\begin{array}{r} 6 \\ +\;9 \\ \hline \ldots \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ +\;6 \\ \hline \ldots \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ +\;6 \\ \hline \ldots \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ +\;6 \\ \hline \ldots \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ +\;0 \\ \hline \ldots \end{array}$$

3. **Số** ?

7 + ☐ = 12	6 + ☐ = 11	6 + ☐ = 15
6 + ☐ = 12	8 + ☐ = 11	9 + ☐ = 15

4. Điền số hoặc phép tính thích hợp vào chỗ chấm :





– Trong hình tròn có . . . điểm

– Trong hình vuông có . . . điểm

– Trong hai hình có tất cả là :

.... = . . . (điểm)

5. > < = ?

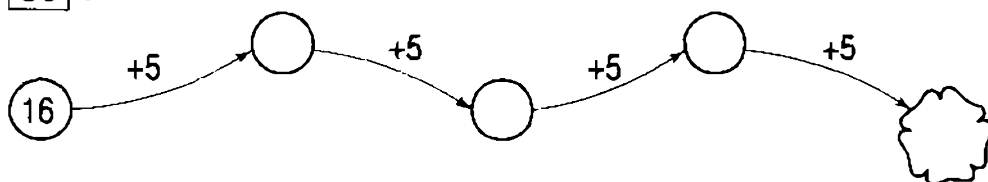
6 + 8 . . . 8 + 6	9 + 8 – 5 . . . 11
6 + 6 . . . 6 + 8	6 + 7 – 3 . . . 11
8 + 8 . . . 8 + 6	7 + 6 – 2 . . . 11

Bài 34 — 26 + 5

1. Tính :

$\begin{array}{r}26\\+\ \ 6\\\hline\ldots\end{array}$	$\begin{array}{r}16\\+\ \ 5\\\hline\ldots\end{array}$	$\begin{array}{r}36\\+\ \ 4\\\hline\ldots\end{array}$	$\begin{array}{r}46\\+\ \ 7\\\hline\ldots\end{array}$	$\begin{array}{r}56\\+\ \ 8\\\hline\ldots\end{array}$
$\begin{array}{r}37\\+\ \ 9\\\hline\ldots\end{array}$	$\begin{array}{r}28\\+\ \ 6\\\hline\ldots\end{array}$	$\begin{array}{r}19\\+\ \ 3\\\hline\ldots\end{array}$	$\begin{array}{r}6\\+\ 27\\\hline\ldots\end{array}$	$\begin{array}{r}36\\+\ \ 8\\\hline\ldots\end{array}$

2. **Số** ?



3. Mẹ em mua một con lợn cân nặng 16kg về nuôi, tháng sau nó tăng thêm 8kg nữa. Hỏi tháng sau con lợn cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

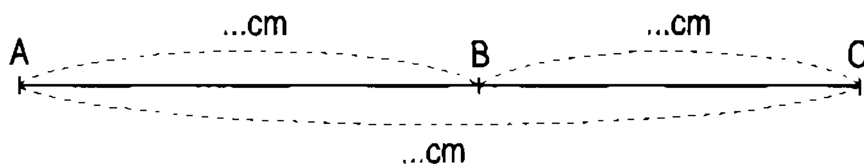
Bài giải

....

....

....

4. Đo rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm :



Bài 35 — 36 + 15

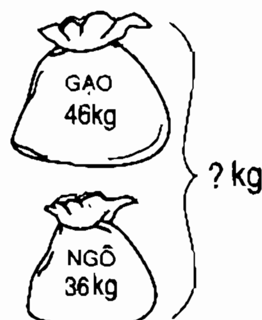
1. Tính :

$\begin{array}{r}26\\+\ 19\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}36\\+\ 28\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}46\\+\ 37\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}56\\+\ 26\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}76\\+\ 15\\\hline\end{array}$
...	...	...	...	...
$\begin{array}{r}27\\+\ 14\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}37\\+\ 16\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}28\\+\ 16\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}19\\+\ 66\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}66\\+\ 19\\\hline\end{array}$
...	...	...	...	...

2. Đặt tính rồi tính :

26 + 18	46 + 29	27 + 16	66 + 6
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

3. Giải bài toán theo tóm tắt sau :



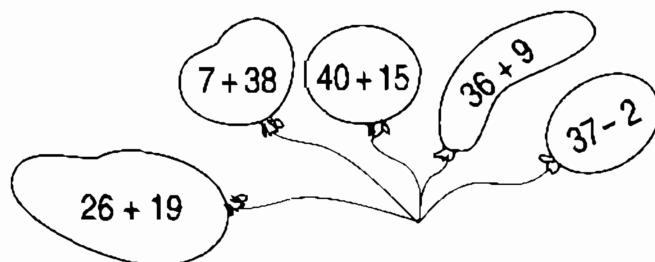
Bài giải

....

....

....

4. Tô màu quả bóng ghi phép tính có kết quả là 45 :



Bài 36 — LUYỆN TẬP

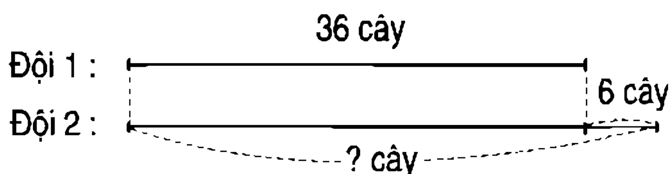
1. Tính nhẩm :

6 + 1 = . . .	6 + 2 = . . .	6 + 3 = . . .	6 + 4 = . . .	6 + 5 = . . .
6 + 6 = . . .	6 + 7 = . . .	6 + 8 = . . .	6 + 9 = . . .	6 + 10 = . . .
6 + 0 = . . .	7 + 6 = . . .	8 + 6 = . . .	9 + 6 = . . .	10 + 6 = . . .

2. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	26	36	46	56	66	47
Số hạng	15	7	24	9	18	46
Tổng						

3. Số ?



4	5	6	7	8	9
10					
17					

4. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

36 cây

Đội 1 :

6 cây

Đội 2 :

? cây

Bài giải

....

....

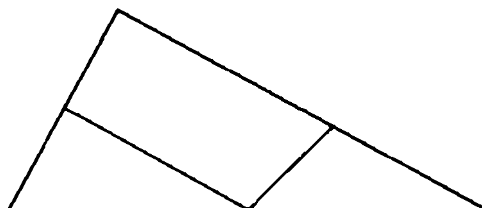
....

5. Số ?

Trong hình bên :

a) Có . . . hình tam giác.

b) Có . . . hình tứ giác.



Bài 37 BẢNG CỘNG

1. Tính nhẩm :

9 + 2 = . . .	9 + 3 = . . .	9 + 4 = . . .	9 + 5 = . . .
2 + 9 = . . .	3 + 9 = . . .	4 + 9 = . . .	5 + 9 = . . .
9 + 6 = . . .	9 + 7 = . . .	9 + 8 = . . .	9 + 9 = . . .
6 + 9 = . . .	7 + 9 = . . .	8 + 9 = . . .	8 + 8 = . . .
8 + 3 = . . .	8 + 4 = . . .	8 + 5 = . . .	8 + 6 = . . .
3 + 8 = . . .	4 + 8 = . . .	5 + 8 = . . .	6 + 8 = . . .
8 + 7 = . . .	7 + 4 = . . .	7 + 5 = . . .	7 + 6 = . . .
7 + 8 = . . .	4 + 7 = . . .	5 + 7 = . . .	6 + 7 = . . .
7 + 7 = . . .	6 + 5 = . . .		
6 + 6 = . . .	5 + 6 = . . .		

2. Tính :

$$\begin{array}{r} 34 \\ +\quad 8 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 46 \\ +\ 27 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 69 \\ +\ 15 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 77 \\ +\quad 8 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 23 \\ +\ 49 \\ \hline \dots \end{array}$$

3. Bao ngô cân nặng 18kg, bao gạo cân nặng hơn bao ngô 8kg. Hỏi bao gạo cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

Bài giải

....

....

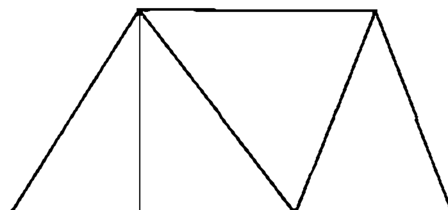
....

4. Số ?

Trong hình bên :

a) Có . . . hình tam giác.

b) Có . . . hình tứ giác.



Bài 38 — LUYỆN TẬP

1. Tính nhẩm :

9 + 8 = . . .	2 + 9 = . . .	3 + 8 = . . .	8 + 6 = . . .
7 + 6 = . . .	4 + 8 = . . .	7 + 7 = . . .	4 + 9 = . . .
5 + 6 = . . .	9 + 9 = . . .	5 + 7 = . . .	9 + 7 = . . .

2. Ghi kết quả tính :

8 + 5 + 1 = . . .	5 + 4 + 3 = . . .	6 + 5 + 4 = . . .
8 + 6 = . . .	5 + 7 = . . .	6 + 9 = . . .

3. Đặt tính rồi tính :

34 + 38	56 + 29	7 + 78	18 + 55
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

4. Mẹ hái được 56 quả cam, chị hái được nhiều hơn mẹ 18 quả cam. Hỏi chị hái được bao nhiêu quả cam ?

Bài giải

....

....

....

5. Điền chữ số thích hợp vào ô trống :

a) 89 < ☐0 b) ☐☐ > 98

Bài 39 — PHÉP CỘNG CÓ TỔNG BẰNG 100

1. Đặt tính rồi tính :

98 + 2 77 + 23 65 + 35 39 + 61

....

....

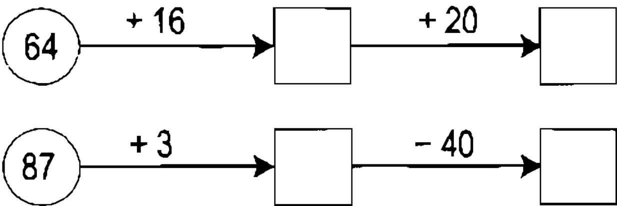
....

2. Tính nhẩm :

80 + 20 = . . . 40 + 60 = . . . 50 + 50 = . . .

70 + 30 = . . . 10 + 90 = . . . 20 + 80 = . . .

3. **Số** ?



4. Một trường tiểu học có 88 học sinh lớp 1, số học sinh lớp 2 nhiều hơn số học sinh lớp 1 là 12 học sinh. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh lớp 2 ?

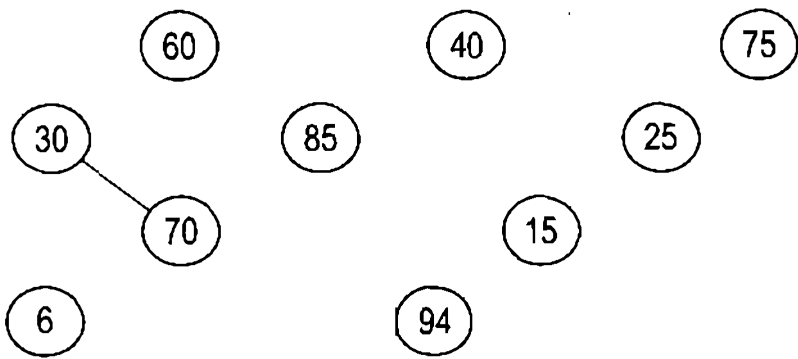
Bài giải

....

....

....

5. Nối hai số có tổng bằng 100 (theo mẫu) :



Bài 40 — LÍT

1. Đọc, viết (theo mẫu) :

	3l	10l	2l	5l
Đọc	Ba lít	...	...	...
Viết	3l	...	...	...

2. Tính (theo mẫu) :

a) $9l + 5l = 14l$ $\quad$ $16l + 6l = \dots$ $\quad$ $2l + 2l + 2l = \dots$

b) $17l - 10l = \dots$ $\quad$ $20l - 10l = \dots$ $\quad$ $6l - 2l - 2l = \dots$

3. Viết theo mẫu :







Mẫu : $20l - 10l = 10l$ $\quad$ .... $\quad$ ....

4. Lần đầu cửa hàng bán được 16l nước mắm, lần sau bán được 25l nước mắm. Hỏi cả hai lần cửa hàng đó bán được bao nhiêu lít nước mắm ?



Bài giải

....

....

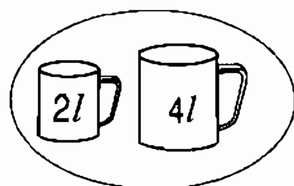
....

Bài 41 — LUYỆN TẬP

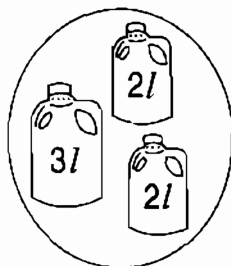
1. Tính :

$3l + 2l = \ldots$	$37l - 5l = \ldots$	$4l + 2l - 3l = \ldots$
$26l + 15l = \ldots$	$34l - 4l = \ldots$	$15l - 10l + 5l = \ldots$

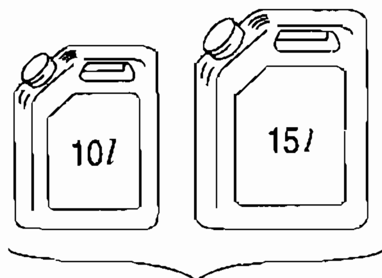
2. Số **?**



. . . *l*



. . . *l*



. . . *l*

3. Thùng thứ nhất có 15*l* dầu, thùng thứ hai có nhiều hơn thùng thứ nhất 3*l* dầu. Hỏi thùng thứ hai có bao nhiêu lít dầu ?

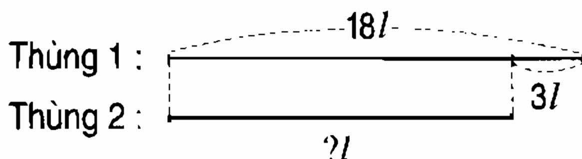
Bài giải

....

....

....

4. Giải bài toán theo tóm tắt sau :



Bài giải

....

....

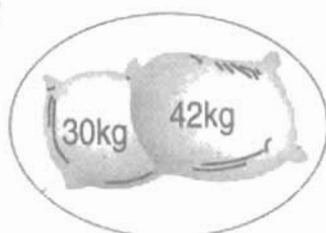
....

Bài 42 LUYỆN TẬP CHUNG

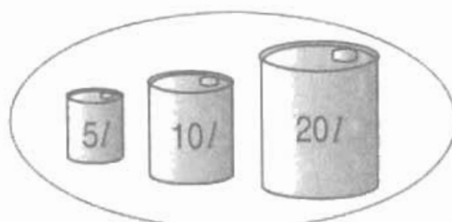
1. Tính :

6 + 7 = . . .	17 + 6 = . . .	30 + 4 =. . .	5 + 16 = . . .
7 + 8 = . . .	28 + 7 = . . .	60 + 6 =. . .	4 + 27 = . . .
8 + 9 = . . .	39 + 8 = . . .	8 + 50 =. . .	5 + 38 = . . .

2. Số ?



. . . kg



. . . *l*

3. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	25	36	62	28	31	8
Số hạng	16	37	19	25	29	88
Tổng						

4. Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Bài giải

Lần đầu bán : 35kg đường ....

Lần sau bán : 40kg đường ....

Cả hai lần bán : ... kg đường ? ....

5. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

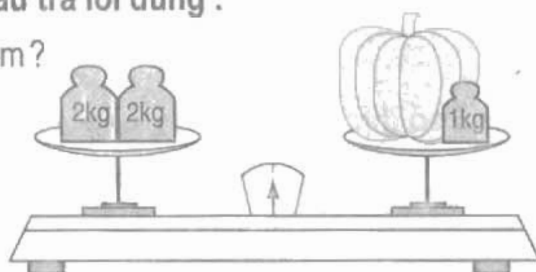
Quả bí cân nặng mấy ki-lô-gam ?

A. 1kg

B. 2kg

C. 3kg

D. 4kg



TỰ KIỂM TRA

1. Tính :

$$\begin{array}{r}+\begin{array}{r}25\\27\end{array}\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}+\begin{array}{r}36\\49\end{array}\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}+\begin{array}{r}55\\18\end{array}\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}+\begin{array}{r}19\\44\end{array}\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}+\begin{array}{r}67\\13\end{array}\\\hline\dots\end{array}\quad\begin{array}{r}+\begin{array}{r}56\\39\end{array}\\\hline\dots\end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính :

36 + 25	49 + 24	37 + 36	8 + 28
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

3. Một cửa hàng lần đầu bán được 28kg đường, lần sau bán được nhiều hơn lần đầu 13kg đường. Hỏi lần sau cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường ?

Bài giải

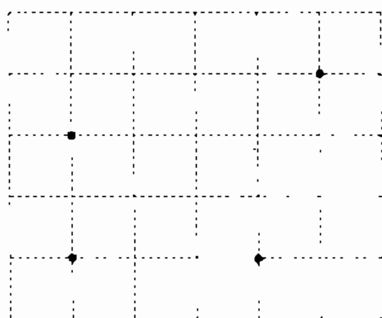
....

....

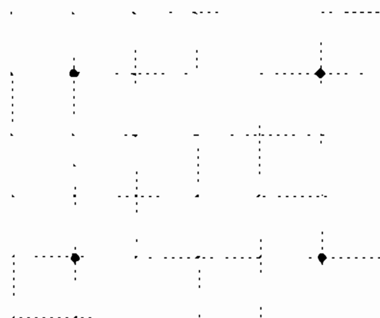
....

4. Dùng thước và bút nối các điểm để có :

a) Hình tứ giác.



b) Hình chữ nhật.



5. Điền chữ số thích hợp vào ô trống :

$$\begin{array}{r}+\begin{array}{r}4\,\square\\6\end{array}\\\hline 5\;3\end{array}\qquad\begin{array}{r}+\begin{array}{r}1\;8\\4\,\square\end{array}\\\hline 6\;6\end{array}\qquad\begin{array}{r}+\begin{array}{r}2\,\square\\\square\,6\end{array}\\\hline 7\;1\end{array}$$

Bài 43 — TÌM MỘT SỐ HẠNG TRONG MỘT TỔNG

1. Tìm x (theo mẫu) :

Mẫu :

$x + 3 = 9$
$x = 9 - 3$
$x = 6$

a) $x + 8 = 10$

....

....

b) $x + 5 = 17$

....

....

c) $2 + x = 12$

....

....

d) $7 + x = 10$

....

....

e) $x + 4 = 15$

....

....

2. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	14	8		27		16
Số hạng	2		15		42	
Tổng		10	35	27	84	59

3. Vừa gà vừa thỏ có 36 con, trong đó có 20 con gà. Hỏi có bao nhiêu con thỏ ?

Tóm tắt

Gà và thỏ : 36 con

Gà : 20 con

Thỏ : ... con ?

Bài giải

....

....

....

4. Viết phép tính theo câu lời giải :



Độ dài đoạn thẳng BC là :

....

Bài 44 — LUYỆN TẬP

1. Tìm x :

a) $x + 1 = 10$ ....

b) $12 + x = 22$ ....

c) $40 + x = 48$ ....

2. Tính :

6 + 4 = . . .	1 + 9 = . . .	7 + 3 = . . .
4 + 6 = . . .	9 + 1 = . . .	3 + 7 = . . .
10 – 6 = . . .	10 – 1 = . . .	10 – 7 = . . .
10 – 4 = . . .	10 – 9 = . . .	10 – 3 = . . .

3. Ghi kết quả tính :

17 – 4 – 3 = . . .	10 – 3 – 5 = . . .	10 – 2 – 3 = . . .
17 – 7 = . . .	10 – 8 = . . .	10 – 5 = . . .

4. Viết tiếp câu hỏi rồi giải bài toán :

Lớp 2B có 28 học sinh, trong đó có 16 học sinh gái. Hỏi..............................

....

Bài giải

....

....

....

5. Biết $x + 5 = 5$. Hãy đoán xem x là số nào.

x = . . . vì ....

Bài 45 — SỐ TRÒN CHỤC TRỪ ĐI MỘT SỐ

1. Đặt tính rồi tính :

20 – 5 30 – 8 60 – 19 90 – 36 70 – 52

....

....

....

2. Tìm x :

a) $x + 4 = 40$ b) $12 + x = 60$ c) $x + 15 = 30$

....

....

3. Mẹ có 3 chục quả cam, mẹ biếu bà 12 quả cam. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả cam ?

Bài giải

....

....

....

....

4. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

Số tròn chục liền sau của 85 là :

A. 86
B. 84
C. 90
D. 80

Bài 46 — 11 TRỪ ĐI MỘT SỐ : 11 – 5

1. **Số** ?

a)

7 + 4 = ...	5 + 6 = ...	2 + 9 = ...	8 + 3 = ...
4 + 7 = ...	6 + 5 = ...	9 + 2 = ...	3 + 8 = ...
11 – 7 = ...	11 – 5 = ...	11 – 2 = ...	11 – 8 = ...
11 – 4 = ...	11 – 6 = ...	11 – 9 = ...	11 – 3 = ...

b)

11 – 1 – 6 = ...	11 – 1 – 4 = ...	11 – 1 – 1 = ...
11 – 7 = ...	11 – 5 = ...	11 – 2 = ...

2. Đặt tính rồi tính :

11 – 9	11 – 6	11 – 4	11 – 8	11 – 5
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....

3. Huệ có 11 quả đào, Huệ cho bạn 5 quả đào. Hỏi Huệ còn lại mấy quả đào ?

Bài giải

....

....

....

4. + / – ?

9 ... 9 = 18	11 ... 5 = 6
11 ... 4 = 7	11 ... 5 = 16
11 ... 8 = 3	11 ... 11 = 0

Bài 47 — 31 - 5

1. Tính :

$\begin{array}{r} 81 \\ - \quad 9 \\ \hline \ldots \end{array}$	$\begin{array}{r} 21 \\ - \quad 2 \\ \hline \ldots \end{array}$	$\begin{array}{r} 61 \\ - \quad 6 \\ \hline \ldots \end{array}$	$\begin{array}{r} 71 \\ - \quad 7 \\ \hline \ldots \end{array}$	$\begin{array}{r} 41 \\ - \quad 4 \\ \hline \ldots \end{array}$

2. Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

31 và 3	81 và 8	21 và 7	61 và 9	51 và 6
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....

3. Mỹ hái được 61 quả mơ, Mỹ đã ăn 8 quả mơ. Hỏi Mỹ còn lại bao nhiêu quả mơ ?

Bài giải

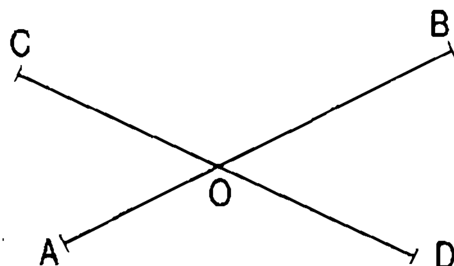
....

....

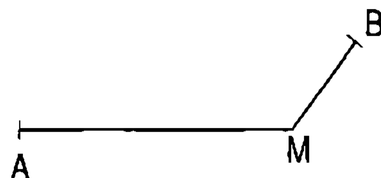
....

4. Viết tiếp vào chỗ chấm :

a) Đoạn thẳng AB cắt đoạn thẳng CD tại điểm . . .



b) Đoạn thẳng AM cắt đoạn thẳng MB tại điểm . . .



Bài 48 — 51 – 15

1. Tính :

$\begin{array}{r}61\\-18\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}81\\-34\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}31\\-16\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}51\\-27\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}71\\-45\\\hline\end{array}$
...	...	...	...	...
$\begin{array}{r}41\\-22\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}91\\-66\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}71\\-38\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}61\\-53\\\hline\end{array}$	$\begin{array}{r}81\\-12\\\hline\end{array}$
...	...	...	...	...

2. Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

71 và 48	61 và 49	91 và 65	51 và 44
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

3. Tìm x :

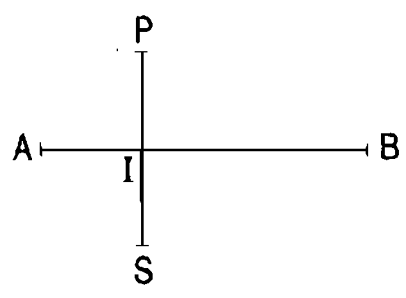
a) $x + 26 = 61$ b) $x + 47 = 81$ c) $18 + x = 41$

....

....

4. Viết tiếp vào chỗ chấm :

Đoạn thẳng . . . cắt đoạn thẳng . . .
tại điểm . . .



Bài 49 LUYỆN TẬP

1. Tính nhẩm :

11 − 5 = ...	11 − 8 = ...	11 − 6 = ...	11 − 9 = ...
11 − 7 = ...	11 − 2 = ...	11 − 4 = ...	11 − 3 = ...

2. Đặt tính rồi tính :

31 − 19	81 − 62	51 − 34	41 − 25	61 − 6
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....

3. Viết tiếp câu hỏi rồi giải bài toán :

Vừ có 51kg mận, đã bán được 36kg mận. Hỏi..

....

Bài giải

....

....

....

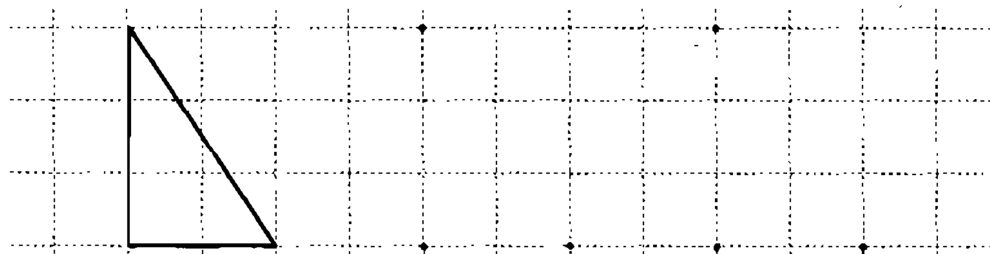
4. Tìm x :

a) $x + 29 = 41$	b) $34 + x = 81$	c) $x + 55 = 61$
....	....	....
....	....	....

5. + / − ?

9 ... 8 = 17	18 ... 8 = 10	6 ... 8 = 14
11 ... 9 = 2	11 ... 8 = 3	8 ... 6 = 14

6. Vẽ hình theo mẫu rồi tô màu vào các hình đó :



Bài 50 12 TRỪ ĐI MỘT SỐ : 12 – 8

1. Tính nhẩm :

a) 8 + 4 = . . .   5 + 7 = . . .   9 + 3 = . . .   6 + 6 = . . .

4 + 8 = . . .   7 + 5 = . . .   3 + 9 = . . .   12 – 6 = . . .

12 – 8 = . . .   12 – 5 = . . .   12 – 9 = . . .   10 + 2 = . . .

12 – 4 = . . .   12 – 7 = . . .   12 – 3 = . . .   12 – 2 = . . .

b) 12 – 2 – 3 = . . .   12 – 2 – 7 = . . .   12 – 2 – 4 = . . .

12 – 5 = . . .   12 – 9 = . . .   12 – 6 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

12 – 8   12 – 3   12 – 5   12 – 9   12 – 4

....

....

....

3. Có 12 quả trứng, trong đó có 8 quả trứng gà, còn lại là trứng vịt. Hỏi có mấy quả trứng vịt ?

Bài giải

....

....

....

4. **Số** ?

a) 12 – ☐ = 7   b) 12 – ☐ = 0

Bài 51 — 32 – 8

1. Tính :

$$\begin{array}{r} 62 \\ -\ \ 9 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 82 \\ -\ \ 7 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 52 \\ -\ \ 4 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 92 \\ -\ \ 8 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 72 \\ -\ \ 6 \\ \hline \dots \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính :

42 – 5   82 – 8   62 – 6   32 – 3   52 – 7

....

....

....

3. Viết tiếp câu hỏi rồi giải bài toán :

Hoa có 32 quả táo, Hoa cho bạn 9 quả táo. Hỏi ....

....

Bài giải

....

....

....

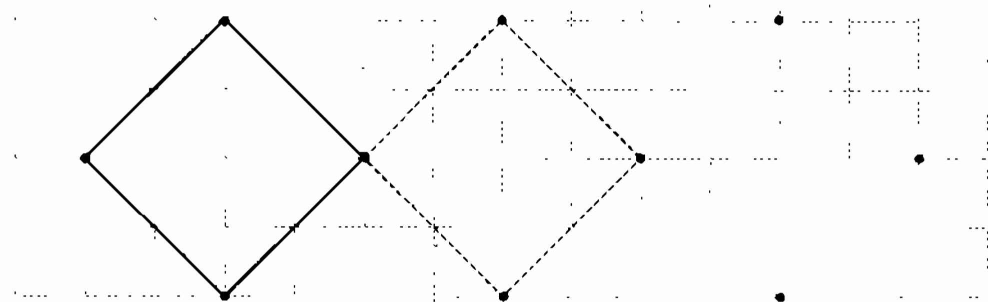
4. Tìm x :

a) $x + 9 = 22$ b) $6 + x = 32$

....

....

5. Vẽ hình theo mẫu rồi tô màu vào các hình đó :



Mẫu

Bài 52 — 52 – 28

1. Tính :

$$\begin{array}{r} 72 \\ -\ 58 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 92 \\ -\ 69 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 62 \\ -\ 34 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 82 \\ -\ 28 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 42 \\ -\ 35 \\ \hline \dots \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

52 và 36   92 và 76   82 và 44   72 và 47

....

....

....

3. Một cửa hàng buổi sáng bán được 72kg đường, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 28kg đường. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường ?

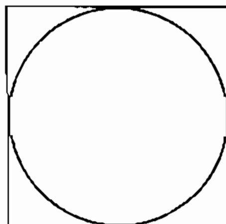
Bài giải

....

....

....

4. Tô màu vào phần hình vuông ở ngoài hình tròn :



Bài 53 — LUYỆN TẬP

1. Tính nhẩm :

12 - 8 = . . .   12 - 7 = . . .   12 - 4 = . . .   12 - 5 = . . .

12 - 6 = . . .   12 - 9 = . . .   12 - 3 = . . .   12 - 2 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

82 - 47   62 - 33   42 - 25   22 - 8   72 - 29

....

....

....

3. Tìm x :

a) $x + 16 = 32$ b) $x + 27 = 52$ c) $36 + x = 42$

....

....

4. Có 92 con vịt, trong đó có 65 con vịt ở dưới ao. Hỏi có bao nhiêu con vịt ở trên bờ ?

Bài giải

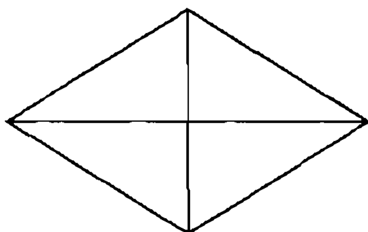
....

....

....

5. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Có bao nhiêu hình tam giác ?



A. Có 4 hình tam giác

B. Có 6 hình tam giác

C. Có 7 hình tam giác

D. Có 8 hình tam giác

Bài 54 TÌM SỐ BỊ TRỪ

1. Tìm x :

a) $x - 3 = 9$ b) $x - 8 = 16$ c) $x - 20 = 35$

....

....

d) $x - 5 = 17$ e) $x - 15 = 25$ g) $x - 36 = 36$

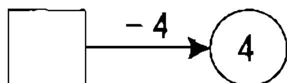
....

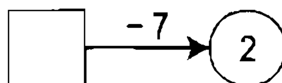
....

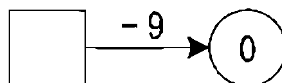
2. **Số** ?

Số bị trừ	11				
Số trừ	5	11	32	48	17
Hiệu		9	32	26	19

3. **Số** ?







4. a) Vẽ đoạn thẳng AB và đoạn thẳng CD.

b) Đoạn thẳng AB và đoạn thẳng CD cắt nhau tại một điểm. Hãy ghi tên điểm đó.

C B

A D

Đoạn thẳng AB cắt đoạn thẳng CD tại điểm . . .

Bài 55 — 13 TRỪ ĐI MỘT SỐ : 13 – 5

1. Tính nhẩm :

a)

8 + 5 = ...	7 + 6 = ...	9 + 4 = ...
5 + 8 = ...	6 + 7 = ...	4 + 9 = ...
13 – 8 = ...	13 – 7 = ...	13 – 9 = ...
13 – 5 = ...	13 – 6 = ...	13 – 4 = ...

b)

13 – 3 – 4 = ...	13 – 3 – 6 = ...	13 – 3 – 2 = ...
13 – 7 = ...	13 – 9 = ...	13 – 5 = ...

2. Đặt tính rồi tính :

13 – 6	13 – 8	13 – 5	13 – 9	13 – 7
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
13 – 4	13 – 3	13 – 10	13 – 0	13 – 2
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....
....	....	....	....	....

3. Một cửa hàng có 13 quạt điện, đã bán 9 quạt điện. Hỏi cửa hàng đó còn lại mấy quạt điện ?

Bài giải

....

....

....

4. Vẽ ba đoạn thẳng cùng cắt nhau tại một điểm.

Bài 56 — 33 - 5

1. Đặt tính rồi tính :

43 - 9 ....

33 - 5 ....

73 - 6 ....

93 - 8 ....

23 - 4 ....

2. Tìm x :

a) $x + 7 = 63$ ....

b) $8 + x = 83$ ....

c) $x - 9 = 24$ ....

3. Lớp 2C có 33 học sinh, sau đó có 4 học sinh được chuyển sang các lớp học khác. Hỏi lớp 2C còn lại bao nhiêu học sinh ?

Bài giải

....

....

....

4. Người ta đã trồng 11 cây vào hai đoạn đường cắt nhau, mỗi đoạn đường đều có 6 cây. Em hãy vẽ hình để thể hiện điều đó.

Bài 57 53 – 15

1. Tính :

$\begin{array}{r} - \begin{array}{r}63\\28\end{array} \\ \hline \ldots \end{array}$	$\begin{array}{r} - \begin{array}{r}83\\47\end{array} \\ \hline \ldots \end{array}$	$\begin{array}{r} - \begin{array}{r}33\\15\end{array} \\ \hline \ldots \end{array}$	$\begin{array}{r} - \begin{array}{r}53\\46\end{array} \\ \hline \ldots \end{array}$	$\begin{array}{r} - \begin{array}{r}93\\34\end{array} \\ \hline \ldots \end{array}$

2. Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

73 và 49 43 và 17 63 và 55

....

....

....

3. Tìm x :

a) $x - 27 = 15$ b) $x + 38 = 83$ c) $24 + x = 73$

....

....

4. Năm nay ông 63 tuổi, bố ít hơn ông 34 tuổi. Hỏi năm nay bố bao nhiêu tuổi ?

Bài giải

....

....

....

5. Vẽ hình theo mẫu rồi tô màu vào các hình đó :


Mẫu






Bài 58 — LUYỆN TẬP

1. Tính nhẩm :

13 – 9 = . . .	13 – 5 = . . .	13 – 4 = . . .	13 – 3 – 2 = . . .
13 – 8 = . . .	13 – 6 = . . .	13 – 7 = . . .	13 – 5 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

53 – 16	73 – 38	63 – 29	43 – 7
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

3. Ghi kết quả tính :

83 – 7 – 6 = . . .	53 – 9 – 4 = . . .	73 – 5 – 8 = . . .
83 – 13 = . . .	53 – 13 = . . .	73 – 13 = . . .

4. Một cửa hàng buổi sáng bán được 83*l* dầu, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 27*l* dầu. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu lít dầu ?

Bài giải

....

....

....

5. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

Cho phép trừ :

$$\begin{array}{r} 53 \\ -\ 18 \\ \hline \end{array}$$

Kết quả phép trừ là : A. 45

B. 71

C. 25

D. 35

Bài 59 ______ 14 TRỪ ĐI MỘT SỐ : 14 – 8

1. Tính nhẩm :

a) 8 + 6 = . . .　　　9 + 5 = . . .　　　7 + 7 = . . .
6 + 8 = . . .　　　5 + 9 = . . .　　　14 – 7 = . . .
14 – 8 = . . .　　　14 – 9 = . . .　　　14 – 4 = . . .
14 – 6 = . . .　　　14 – 5 = . . .　　　14 – 10 = . . .

b) 14 – 4 – 3 = . . .　　　14 – 4 – 2 = . . .　　　14 – 4 – 5 = . . .
14 – 7 = . . .　　　14 – 6 = . . .　　　14 – 9 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

14 – 8　　　14 – 6　　　14 – 7　　　14 – 9　　　14 – 5

....　..............　..............　..............　..............

....　..............　..............　..............　..............

....　..............　..............　..............　..............

3. Một cửa hàng có 14 xe đạp, đã bán 8 xe đạp. Hỏi cửa hàng đó còn bao nhiêu xe đạp ?

Bài giải

....

....

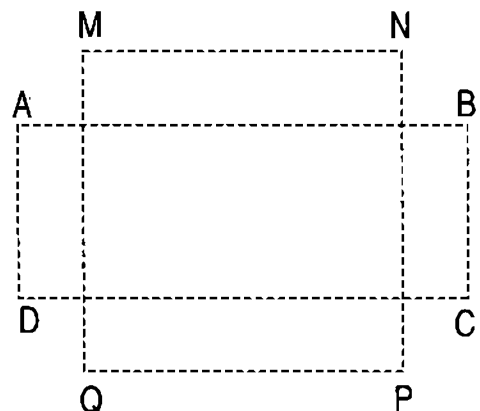
....

4.

a) Tô màu đỏ vào hình chữ nhật ABCD. Tô màu xanh vào phần còn lại (phần chưa tô màu) của hình vuông MNPQ.

b) Viết tiếp vào chỗ chấm :

- Hình .... *đặt trên* hình ....
- Hình .... *đặt dưới* hình ....



Bài 60 ______ 34 – 8 ______

1. Tính :

$$\begin{array}{r} 54 \\ - \quad 9 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 74 \\ - \quad 6 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 44 \\ - \quad 7 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 64 \\ - \quad 5 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 84 \\ - \quad 8 \\ \hline \dots \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính :

34 – 9	84 – 5	94 – 8	74 – 7
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

3. Hà bắt được 24 con sâu, Lan bắt được ít hơn Hà 8 con sâu. Hỏi Lan bắt được bao nhiêu con sâu ?

Bài giải

....

....

....

4. Tìm x :

a) $x + 6 = 24$

....

....

b) $x - 12 = 44$

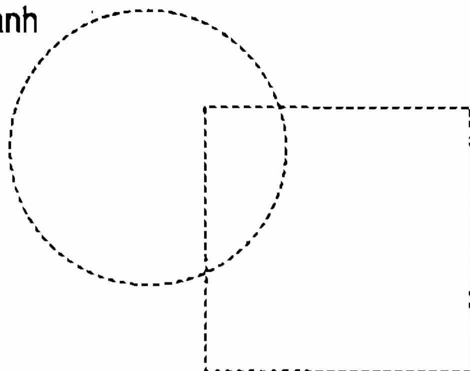
....

....

5. a) Tô màu đỏ vào hình vuông. Tô màu xanh vào phần còn lại của hình tròn.

b) Viết tiếp vào chỗ chấm :

- Hình .... *đặt trên* hình...............
- Hình .... *đặt dưới* hình...............



Bài 61 — 54 – 18

1. Tính :

$\begin{array}{r} 74 \\ -\ 35 \\ \hline \dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 94 \\ -\ 29 \\ \hline \dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 84 \\ -\ 46 \\ \hline \dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 64 \\ -\ 17 \\ \hline \dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 44 \\ -\ 38 \\ \hline \dots \end{array}$

2. Đặt tính rồi tính :

34 – 16	84 – 37	74 – 45	64 – 29
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

3. Mỗi bước chân của anh dài 44cm, mỗi bước chân của em ngắn hơn mỗi bước chân của anh 18cm. Hỏi mỗi bước chân của em dài bao nhiêu xăng-ti-mét ?



Bài giải

....

....

....

4. Vẽ hình theo mẫu rồi tô màu vào các hình đó :



Mẫu

5. Số ?

54 – □ = 54

Bài 62 LUYỆN TẬP

1. Tính nhẩm :

14 − 7 = . . .   14 − 8 = . . .   14 − 0 = . . .   14 − 10 = . . .

14 − 9 = . . .   14 − 6 = . . .   14 − 5 = . . .   14 − 4 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

84 − 37   64 − 9   74 − 18   44 − 35

....

....

....

3. Tìm x :

a) $x + 26 = 54$ b) $35 + x = 94$ c) $x - 34 = 12$

....

....

4. Trong vườn có 64 cây cam và cây bưởi, trong đó có 18 cây bưởi. Hỏi trong vườn đó có bao nhiêu cây cam ?

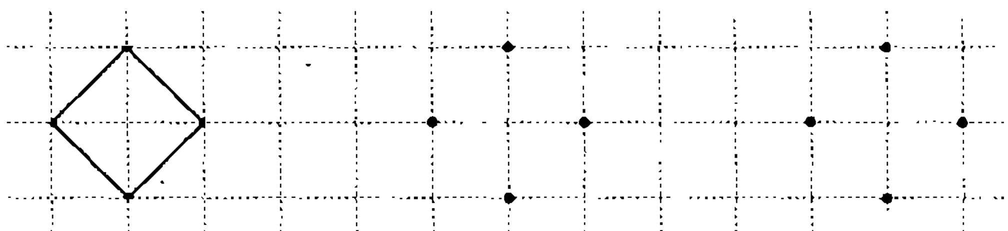
Bài giải

....

....

....

5. Vẽ hình theo mẫu rồi tô màu vào các hình đó :



Mẫu

Bài 63 — 15, 16, 17, 18 TRỪ ĐI MỘT SỐ

1. Đặt tính rồi tính :

a) 15 − 9 15 − 7 15 − 8 15 − 6

b) 16 − 7 16 − 9 16 − 8 17 − 8

c) 17 − 9 18 − 9 18 − 8 17 − 10

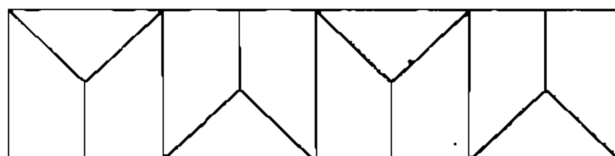
2. Nối phép tính với kết quả đúng :

17 − 8 16 − 9 18 − 9

15 − 6 8 7 9 15 − 7

15 − 8 16 − 8 17 − 9

3. Tô màu xanh vào các hình tam giác, tô màu đỏ hoặc màu vàng vào các hình tứ giác sao cho ba hình đặt kề nhau thì có ba màu khác nhau :



Bài 64 ______ 55 - 8 ; 56 - 7 ; 37 - 8 ; 68 - 9 ______

1. Đặt tính rồi tính :

a) 35 − 8 ....

55 − 7 ....

85 − 9 ....

75 − 6 ....

b) 86 − 9 ....

96 − 8 ....

66 − 7 ....

76 − 9 ....

c) 47 − 9 ....

27 − 8 ....

78 − 9 ....

48 − 9 ....

2. Tìm x :

a) $x + 8 = 36$ ....

b) $9 + x = 48$ ....

c) $x + 7 = 55$ ....

3. Vẽ hình theo mẫu rồi tô màu vào các hình đó :



Bài 65 — 65 - 38 ; 46 - 17 ; 57 - 28 ; 78 - 29

1. Đặt tính rồi tính :

a) 45 − 16 65 − 27 95 − 58 75 − 39

....

....

....

b) 96 − 77 56 − 18 66 − 29 77 − 48

....

....

....

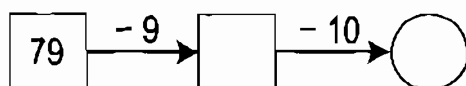
c) 57 − 49 68 − 39 88 − 29 55 − 19

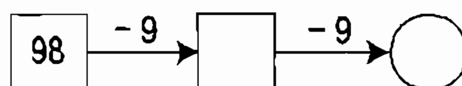
....

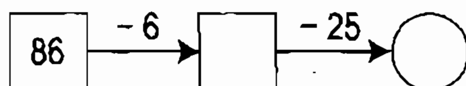
....

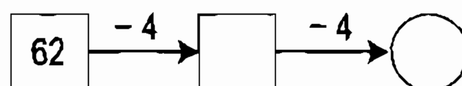
....

2. Số ?









3. Năm nay bà 65 tuổi, mẹ kém bà 29 tuổi. Hỏi năm nay mẹ bao nhiêu tuổi ?

Bài giải

....

....

....

Bài 66 LUYỆN TẬP

1. Tính nhẩm :

a) 15 − 6 = . . . 16 − 7 = . . . 17 − 8 = . . . 18 − 9 = . . .

15 − 7 = . . . 16 − 8 = . . . 17 − 9 = . . .

15 − 8 = . . . 16 − 9 = . . .

15 − 9 = . . .

b) 18 − 8 − 1 = . . . 15 − 5 − 2 = . . . 16 − 6 − 3 = . . .

18 − 9 = . . . 15 − 7 = . . . 16 − 9 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

76 − 28 55 − 7 88 − 59 47 − 8

....

....

....

3. Mẹ vắt được 58*l* sữa bò, chị vắt được ít hơn mẹ 19*l* sữa bò. Hỏi chị vắt được bao nhiêu lít sữa bò ?

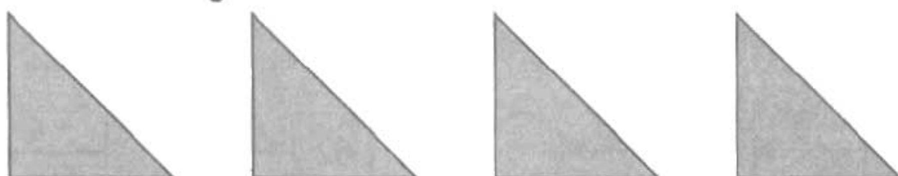
Bài giải

....

....

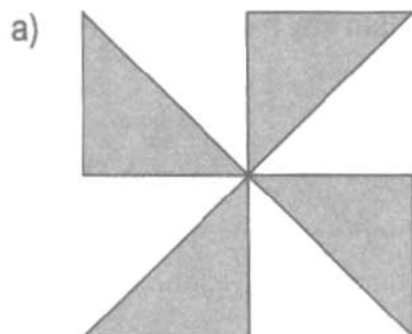
....

4. Xếp bốn hình tam giác

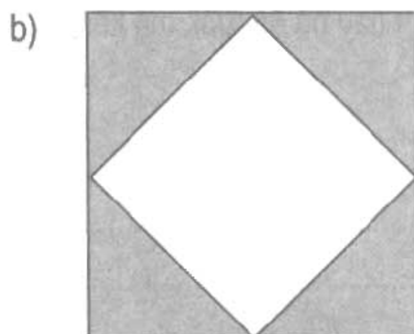


thành hình sau :

a)



b)



BẢNG TRỪ

1. Tính nhẩm :

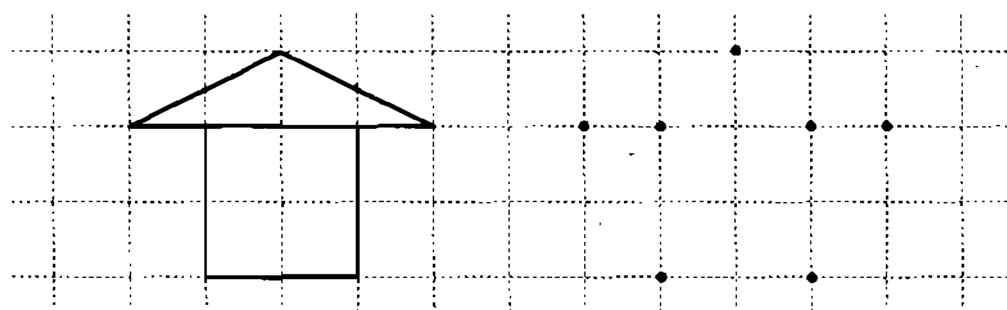
11 − 2 = . . .	11 − 3 = . . .	11 − 4 = . . .	11 − 5 = . . .
12 − 3 = . . .	12 − 4 = . . .	12 − 5 = . . .	12 − 6 = . . .
13 − 4 = . . .	13 − 5 = . . .	13 − 6 = . . .	13 − 7 = . . .
14 − 5 = . . .	14 − 6 = . . .	14 − 7 = . . .	14 − 8 = . . .
15 − 6 = . . .	15 − 7 = . . .	15 − 8 = . . .	15 − 9 = . . .
16 − 7 = . . .	16 − 8 = . . .	16 − 9 = . . .	
17 − 8 = . . .	17 − 9 = . . .		
18 − 9 = . . .			

11 − 6 = . . .	11 − 7 = . . .	11 − 8 = . . .	11 − 9 = . . .
12 − 7 = . . .	12 − 8 = . . .	12 − 9 = . . .	
13 − 8 = . . .	13 − 9 = . . .		
14 − 9 = . . .			

2. Ghi kết quả tính :

9 + 6 − 8 = . . .	6 + 5 − 7 = . . .	3 + 9 − 5 = . . .
7 + 7 − 9 = . . .	4 + 9 − 6 = . . .	8 + 8 − 9 = . . .

3. Vẽ hình theo mẫu rồi tô màu vào các hình đó :



Mẫu

4. Phép trừ có số bị trừ, số trừ, hiệu bằng nhau là :

....

Bài 68 LUYỆN TẬP

1. Tính nhẩm :

11 – 6 = . . .	11 – 7 = . . .	11 – 8 = . . .	11 – 9 = . . .
12 – 6 = . . .	12 – 7 = . . .	12 – 8 = . . .	12 – 9 = . . .
13 – 6 = . . .	13 – 7 = . . .	13 – 8 = . . .	13 – 9 = . . .
14 – 6 = . . .	14 – 7 = . . .	14 – 8 = . . .	14 – 9 = . . .
15 – 6 = . . .	15 – 7 = . . .	15 – 8 = . . .	15 – 9 = . . .
	16 – 7 = . . .	16 – 8 = . . .	16 – 9 = . . .
		17 – 8 = . . .	17 – 9 = . . .
			18 – 9 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

32 – 7	64 – 25	73 – 14	85 – 56
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

3. Tìm x :

a) $x + 8 = 41$	b) $6 + x = 50$	c) $x - 25 = 25$
....	....	....
....	....	....

4. Bao to có 35kg gạo, bao bé có ít hơn bao to 8kg gạo. Hỏi bao bé có bao nhiêu ki-lô-gam gạo ?

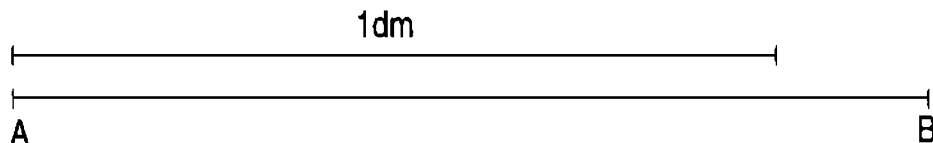
Bài giải

....

....

....

5. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :



Độ dài đoạn thẳng AB dài khoảng :

A. 10cm C. 12cm

B. 11cm D. 13cm

Bài 69 — 100 TRỪ ĐI MỘT SỐ

1. Đặt tính rồi tính :

100 − 3	100 − 8	100 − 54	100 − 77
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

2. Tính nhẩm :

Mẫu :

100 − 20 = ?
10 chục − 2 chục = 8 chục
100 − 20 = 80

100 − 60 = . . .

100 − 90 = . . .

100 − 30 = . . .

100 − 40 = . . .

3. Một cửa hàng buổi sáng bán được 100l dầu, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 32l dầu. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu lít dầu ?

Bài giải

....

....

....

4. **Số** ?

(100) —(− 50)→ [ ]

(100) —(− 20)→ [ ] —(− 30)→ [ ]

(100) —(− 25)→ [ ]

(100) —(− 5)→ [ ] —(− 20)→ [ ]

Bài 70 TÌM SỐ TRỪ

1. Tìm x :

a) $28 - x = 16$ $20 - x = 9$ $34 - x = 15$

....

....

b) $x - 14 = 18$ $x + 20 = 36$ $17 - x = 8$

....

....

2. Viết số thích hợp vào ô trống :

Số bị trừ	64	59	76	86	
Số trừ	28				48
Hiệu		20	22	39	46

3. Lớp 2D có 38 học sinh, sau khi chuyển một số học sinh đến các lớp học khác thì lớp 2D còn lại 30 học sinh. Hỏi có bao nhiêu học sinh đã chuyển đến các lớp học khác ?

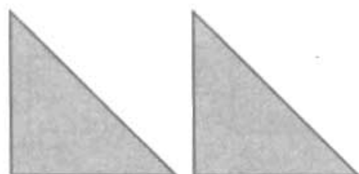
Bài giải

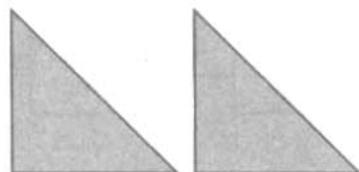
....

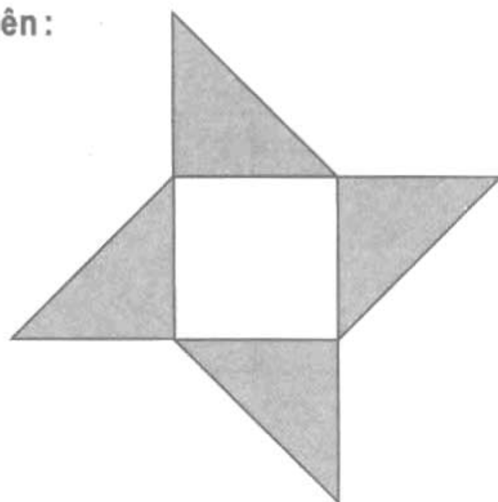
....

....

4. Xếp bốn hình tam giác thành hình bên :



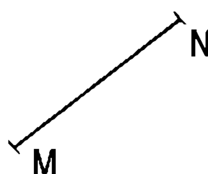


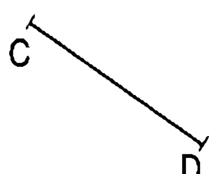


Bài 71 ĐƯỜNG THẲNG

1. Vẽ đường thẳng rồi viết tên đường thẳng (theo mẫu) :



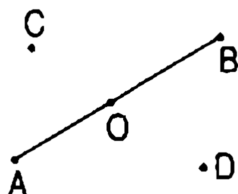




Đường thẳng AB ....

2. Dùng thước thẳng và bút nối ba điểm thẳng hàng rồi viết theo mẫu :

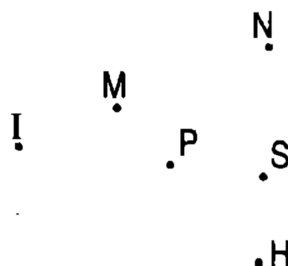
a)



A, O, B là ba điểm thẳng hàng.

.... là ba điểm thẳng hàng.

b)



.... là ba điểm thẳng hàng.

.... là ba điểm thẳng hàng.

.... là ba điểm thẳng hàng.

.... là ba điểm thẳng hàng.

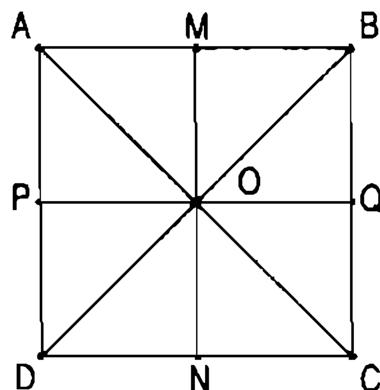
3. a) Viết tiếp tên ba điểm thẳng hàng có trong hình vẽ bên (theo mẫu) :

A, O, C ....

....

....

....



b) Tô màu các hình tam giác trong hình vẽ trên sao cho hai hình tam giác liền kề nhau có màu khác nhau.

Bài 72 LUYỆN TẬP

1. Tính nhẩm :

18 − 9 = . . .	15 − 6 = . . .	11 − 7 = . . .	11 − 6 = . . .
17 − 9 = . . .	15 − 7 = . . .	12 − 8 = . . .	14 − 6 = . . .
16 − 9 = . . .	15 − 8 = . . .	13 − 9 = . . .	11 − 3 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

42 − 18	71 − 25	60 − 37	83 − 55
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....
54 − 9	92 − 46	80 − 8	37 − 28
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

3. Vẽ đường thẳng :

a) Đi qua hai điểm M, N.

M • N •

Chấm thêm một điểm P để M, N, P thẳng hàng.

b) Đi qua điểm O.

O •

Chấm thêm hai điểm C và D để C, O, D thẳng hàng.

c) Đi qua hai trong ba điểm A, B, C.

A •

• B • C

Chấm thêm hai điểm E và H để A, E, B thẳng hàng và B, C, H thẳng hàng.

Bài 73 — LUYỆN TẬP CHUNG

1. Tính nhẩm :

12 − 9 = ...	11 − 6 = ...	16 − 9 = ...	14 − 8 = ...
17 − 6 = ...	15 − 7 = ...	17 − 9 = ...	18 − 9 = ...
14 − 7 = ...	13 − 5 = ...	12 − 5 = ...	12 − 7 = ...

2. Đặt tính rồi tính :

66 − 29	41 − 6	82 − 37	53 − 18
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

3. Ghi kết quả tính :

56 − 18 − 2 = ...　　　　48 + 16 − 25 = ...

74 − 27 − 3 = ...　　　　93 − 55 + 24 = ...

4. Tìm x :

a) $x + 18 = 50$　　　　b) $x - 35 = 25$　　　　c) $60 - x = 27$

....

....

5. Chị cao 15dm, em thấp hơn chị 6dm. Hỏi em cao bao nhiêu đề-xi-mét ?

Bài giải

....

....

....

6. a) Vẽ đường thẳng đi qua hai điểm A và B.

b) Lấy điểm C để có ba điểm A, B, C thẳng hàng.

A •　　　　　　　　B •

TỰ KIỂM TRA

1. Nối phép tính với kết quả đúng :

14 – 7	13 – 7	16 – 8	11 – 3	18 – 9	
	(8)	(6)	(7)	(4)	(9)
11 – 4	12 – 5	12 – 3	15 – 9	12 – 8	

2. Đặt tính rồi tính :

32 – 4 .... 83 – 25 .... 65 – 47 .... 40 – 9

....

....

....

3. Tìm x :

a) $x - 9 = 16$ b) $x - 5 = 37$ c) $31 - x = 16$

....

....

4. Năm nay chị 11 tuổi, em kém chị 4 tuổi. Hỏi em bao nhiêu tuổi ?

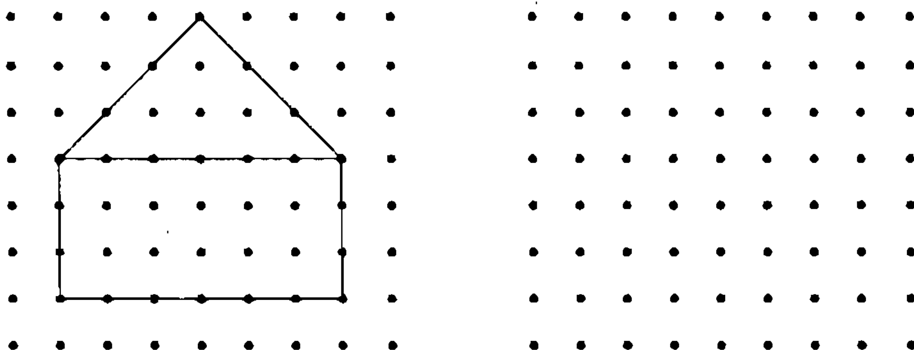
Bài giải

....

....

....

5. Vẽ hình theo mẫu rồi tô màu vào các hình đó :



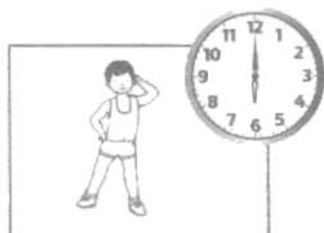
Mẫu

Bài 74 NGÀY, GIỜ

1. **Điền số thích hợp vào chỗ chấm :**

	Một ngày có . . . giờ
Sáng	1 giờ sáng, 2 giờ sáng, . . . giờ sáng, . . . giờ sáng, 5 giờ sáng, 6 giờ sáng, . . . giờ sáng, . . . giờ sáng, . . . giờ sáng, 10 giờ sáng.
Trưa	11 giờ trưa, . . . giờ trưa.
Chiều	1 giờ chiều (13 giờ), 2 giờ chiều (. . . giờ), 3 giờ chiều (. . . giờ), 4 giờ chiều (. . . giờ), 5 giờ chiều (. . . giờ), 6 giờ chiều (. . . giờ).
Tối	. . . giờ tối (19 giờ), . . . giờ tối (20 giờ), . . . giờ tối (21 giờ).
Đêm	10 giờ đêm (. . . giờ), . . . giờ đêm (23 giờ), . . . giờ đêm (24 giờ).

2. **Số** ?



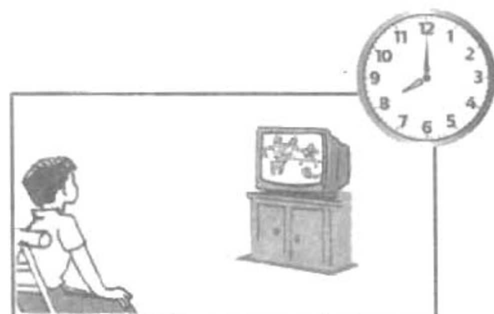
Em tập thể dục lúc . . . giờ sáng.



Mẹ em đi làm về lúc . . . giờ trưa.



Em chơi bóng lúc . . . giờ chiều.



Em xem phim truyền hình lúc . . . giờ tối.



Lúc . . . giờ đêm em đang ngủ.

3. Điền chữ A, B, C, D vào bức tranh thích hợp (theo mẫu) :

A 

B 

C 

D 

(C) Em vào học lúc 7 giờ sáng.

◯ Em chơi thả diều lúc 17 giờ.

◯ Em ngủ lúc 10 giờ đêm.

◯ Em đọc truyện lúc 8 giờ tối.

4. Viết tiếp vào chỗ chấm :





15 giờ hay . . . giờ chiều.





20 giờ hay . . . giờ tối.

Bài 75 — THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ

1. Nối đồng hồ chỉ thời gian thích hợp với giờ ghi trong tranh :

















2. Vẽ thêm kim đồng hồ để đồng hồ chỉ thời gian tương ứng :



8 giờ



12 giờ



14 giờ



18 giờ



23 giờ

3. Đánh dấu × vào ô trống thích hợp :







[ ] Tú đi học đúng giờ.
[ ] Tú đi học muộn giờ.

[ ] Cửa hàng đã mở cửa.
[ ] Cửa hàng đóng cửa.

[ ] Lan tập đàn lúc 19 giờ.
[ ] Lan tập đàn lúc 7 giờ sáng.

Bài 76 NGÀY, THÁNG

1. Đọc, viết (theo mẫu) :

Đọc	Viết
Ngày bảy tháng mười một	Ngày 7 tháng 11
Ngày hai mươi tháng mười một	
	Ngày 15 tháng 11
Ngày mười một tháng mười một	

2. a) Viết tiếp các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 12 (có 31 ngày) :

	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
12	1		3				7
	15			18			
						27	
	29		31				

b) Xem tờ lịch trên rồi viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm :

- Ngày 1 tháng 12 là thứ hai, ngày 2 tháng 12 là thứ..............................
- Tháng 12 có ... ngày chủ nhật. Đó là các ngày :....................................
- Tuần này, thứ bảy là ngày 13 tháng 12. Tuần sau, thứ bảy là ngày....... ....Tuần trước, thứ bảy là ngày.......................................
- Tuần này, thứ hai là ngày 1 tháng 12, đến thứ bảy tuần này sẽ là ngày...................................

THỰC HÀNH XEM LỊCH

1. Viết tiếp các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 1 (có 31 ngày) :

	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
				1		3	
	5				9		
1		13					**18**
			21				
		27				31	

2. a) Viết tiếp các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 4 (có 30 ngày) :

	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
				1			
4							
					30		

b) Xem tờ lịch trên rồi viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm :

– Tháng 4 có ... ngày thứ bảy. Đó là các ngày : ....

....

– Thứ năm tuần này là ngày 22 tháng 4. Thứ năm tuần trước là ngày

....

Thứ năm tuần sau là ngày ....

– Ngày 30 tháng 4 là ngày thứ...

c) Khoanh vào các ngày : 15 tháng 4, 22 tháng 4, 30 tháng 4, 1 tháng 4 của tờ lịch trên.

Bài 78 LUYỆN TẬP CHUNG

1. Nối mỗi câu với đồng hồ chỉ giờ thích hợp :

Em tưới cây lúc 5 giờ chiều.



Em đang học ở trường lúc 8 giờ sáng.



Cả nhà em ăn cơm lúc 6 giờ chiều.



Em đi ngủ lúc 21 giờ .



2. a) Viết tiếp các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 5 (có 31 ngày) :

	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
5						1	**2**
			5	6	7	8	
		11	12				**16**
	17					22	**23**
			26	27			**30**
	31						

b) Xem tờ lịch trên rồi viết số và chữ thích hợp vào chỗ chấm :

– Ngày 1 tháng 5 là ngày thứ ....

– Tháng 5 có ... ngày thứ bảy. Đó là các ngày : ....

....

– Thứ ba tuần này là ngày 11 tháng 5. Thứ ba tuần trước là ngày....................

Thứ ba tuần sau là ngày ....

3. Vẽ thêm kim đồng hồ để đồng hồ chỉ thời gian tương ứng :



8 giờ sáng



2 giờ chiều



9 giờ tối



20 giờ



14 giờ



21 giờ

Bài 79 – ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

1. Tính nhẩm :

8 + 9 = . . .	5 + 7 = . . .	3 + 8 = . . .	4 + 9 = . . .
9 + 8 = . . .	7 + 5 = . . .	8 + 3 = . . .	9 + 4 = . . .
17 − 8 = . . .	12 − 5 = . . .	11 − 3 = . . .	13 − 4 = . . .
17 − 9 = . . .	12 − 7 = . . .	11 − 8 = . . .	13 − 9 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

26 + 18	92 − 45	33 + 49	81 − 66
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

3. Số ?

a) 9 —(+ 1)→ □ —(+ 5)→ □

9 + 6 = . . .

b) 6 —(+ 4)→ □ —(+ 1)→ □

6 + 5 = . . .

c) 8 + 7 = . . .
8 + 2 + 5 = . . .

d) 7 + 5 = . . .
7 + 3 + 2 = . . .

4. Lan vót được 34 que tính, Hoa vót được nhiều hơn Lan 18 que tính. Hỏi Hoa vót được bao nhiêu que tính ?

Bài giải

....

....

....

5. Số ? a) □ + □ = 0 b) □ − □ = 0

Bài 80 _ ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ (tiếp theo)

1. Tính nhẩm :

14 − 9 = ...	8 + 8 = ...	14 − 6 = ...	9 + 4 = ...
16 − 7 = ...	11 − 5 = ...	17 − 8 = ...	11 − 9 = ...
12 − 8 = ...	13 − 6 = ...	12 − 5 = ...	3 + 8 = ...
6 + 9 = ...	18 − 9 = ...	3 + 9 = ...	16 − 8 = ...

2. Đặt tính rồi tính :

47 + 36	100 − 22	90 − 58	35 + 65
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

3. Số ?

a) (12) —(− 4)→ [ ] —(− 2)→ [ ]

12 − 6 = ...

b) (14) —(− 3)→ [ ] —(− 5)→ [ ]

14 − 8 = ...

c) 17 − 9 = ...
17 − 7 − 2 = ...

d) 15 − 7 = ...
15 − 5 − 2 = ...

4. Một cửa hàng buổi sáng bán được 64*l* nước mắm, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 18*l* nước mắm. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu lít nước mắm ?

Bài giải

....

....

....

5. Viết phép trừ có hiệu bằng số bị trừ :

....

Bài 81 – ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ (tiếp theo)

1. Tính nhẩm :

a) 7 + 5 = . . .	4 + 9 = . . .	8 + 7 = . . .	2 + 9 = . . .
5 + 7 = . . .	9 + 4 = . . .	7 + 8 = . . .	9 + 2 = . . .
b) 16 − 8 = . . .	11 − 9 = . . .	12 − 5 = . . .	13 − 6 = . . .
14 − 7 = . . .	17 − 9 = . . .	16 − 9 = . . .	15 − 8 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

a) 39 + 25	100 − 88	45 + 55	100 − 4
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....
b) 83 − 27	56 − 49	36 + 38	71 − 53
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

3. Tìm x :

a) $x + 17 = 45$	b) $x - 26 = 34$	c) $60 - x = 20$
....	....	....
....	....	....

4. Bao xi măng cân nặng 50kg, thùng sơn nhẹ hơn bao xi măng 28kg. Hỏi thùng sơn cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

Bài giải

....

....

....

5. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

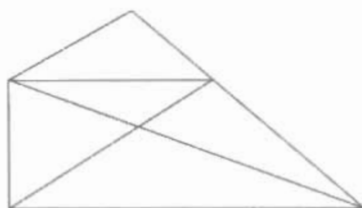
Số hình tứ giác trong hình vẽ là :

A. 1

B. 2

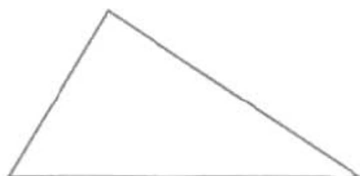
C. 3

D. 4



Bài 82 ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC

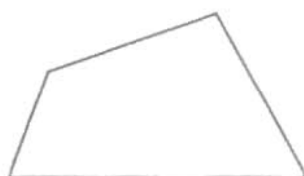
1. Viết tên mỗi hình vào chỗ chấm (theo mẫu) :



Hình tam giác



....



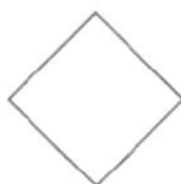
....



....



....



....

2. a) Vẽ đoạn thẳng có độ dài 1dm.

....

b) Vẽ đoạn thẳng có độ dài 12cm.

....

3. a) Dùng thước thẳng và bút nối ba điểm thẳng hàng :

A B C

I

M N P

b) Em đã nối được ba điểm thẳng hàng là : A, B, ... ; .... ; ....

4. Vẽ hình theo mẫu rồi tô màu vào các hình đó :



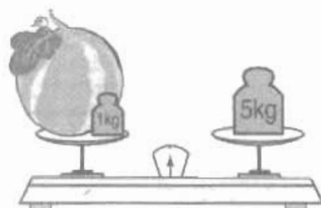
Mẫu

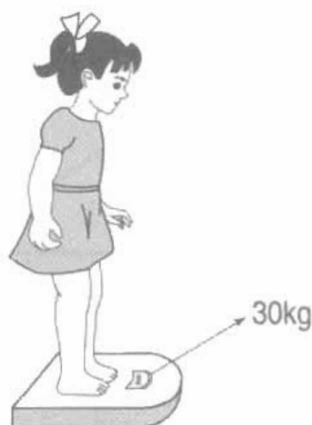


Bài 83 ÔN TẬP VỀ ĐO LƯỜNG

1. Viết tiếp vào chỗ chấm :







Con vịt cân nặng ....; Quả dưa cân nặng..........; Hoà cân nặng............

2. Xem lịch rồi điền số thích hợp vào chỗ chấm :

10	Thứ hai		6	13	20	27
	Thứ ba		7	14	21	28
	Thứ tư	1	8	15	22	29
	Thứ năm	2	9	16	23	30
	Thứ sáu	3	10	17	24	31
	Thứ bảy	4	11	18	25	
	Chủ nhật	**5**	**12**	**19**	**26**	
11	Thứ hai		3	10	17	24
	Thứ ba		4	11	18	25
	Thứ tư		5	12	19	26
	Thứ năm		6	13	20	27
	Thứ sáu		7	14	21	28
	Thứ bảy	1	8	15	22	29
	Chủ nhật	**2**	**9**	**16**	**23**	**30**
12	Thứ hai	1	8	15	22	29
	Thứ ba	2	9	16	23	30
	Thứ tư	3	10	17	24	31
	Thứ năm	4	11	18	25	
	Thứ sáu	5	12	19	26	
	Thứ bảy	6	13	20	27	
	Chủ nhật	**7**	**14**	**21**	**28**	

a) Tháng 10 có .... ngày ; có .... ngày chủ nhật là các ngày : ....
....

b) Tháng 11 có .... ngày ; có .... ngày chủ nhật và có .... ngày thứ năm.

c) Tháng 12 có .... ngày ; có .... ngày chủ nhật và có ....ngày thứ bảy. Em được nghỉ các ngày thứ bảy và các ngày chủ nhật, tức là em được nghỉ .... ngày.

3. Xem tờ lịch của bài 2 rồi điền tên ngày trong tuần vào chỗ chấm :

a) Ngày 1 tháng 10 là ngày thứ ....

Ngày 10 tháng 10 là ngày thứ ....

b) Ngày 20 tháng 11 là ngày thứ ....

Ngày 29 tháng 11 là ngày thứ ....

c) Ngày 25 tháng 12 là ngày thứ ....

Ngày 31 tháng 12 là ngày thứ ....

4.







Mỗi đồng hồ trên chỉ thời gian bắt đầu một hoạt động ở trường của Lan.
Em xem các đồng hồ đó rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp :

a) Lan vào học lúc ... giờ.

b) Lan ra chơi lúc ....

c) Lan bắt đầu ăn cơm trua lúc ....

Bài 84 ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN

1. Một cửa hàng buổi sáng bán được 48l dầu, buổi chiều bán được nhiều hơn buổi sáng 9l dầu. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu lít dầu ?

Bài giải

....

....

....

2. Bình cân nặng 30kg, An nhẹ hơn Bình 4kg. Hỏi An cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

Bài giải

....

....

....

3. Viết tiếp câu hỏi rồi giải bài toán :

Mỹ hái được 24 quả cam, Hoa hái được 18 quả cam. Hỏi cả hai bạn ....

....

Bài giải

....

....

....

4. Nối hai số có tổng bằng 90 :

60	40	15	45
50	30	45	75

Bài 85 LUYỆN TẬP CHUNG

1. Tính nhẩm :

16 − 8 = ...	9 + 8 = ...	12 − 6 = ...	20 − 1 = ...
14 − 7 = ...	7 + 6 = ...	4 + 7 = ...	20 − 5 = ...
18 − 9 = ...	5 + 7 = ...	17 − 9 = ...	20 − 10 = ...

2. Đặt tính rồi tính :

37 + 48	71 − 25	46 + 47	93 − 87
....	....	....	....
....	....	....	....
....	....	....	....

3. Tìm x :

a) $x + 24 = 50$ b) $x - 18 = 18$ c) $60 - x = 48$

....

....

4. Bao gạo to cân nặng 45kg, bao gạo bé nhẹ hơn bao gạo to 18kg. Hỏi bao gạo bé cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

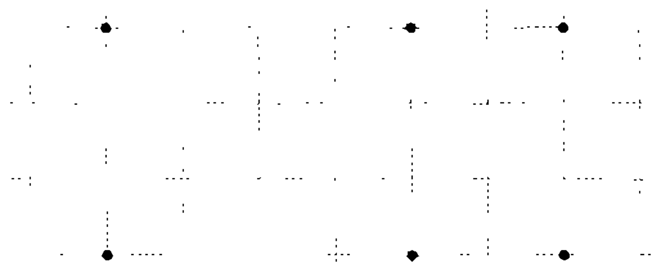
Bài giải

....

....

....

5. Dùng thước và bút nối các điểm để có ba hình chữ nhật :



Bài 86 LUYỆN TẬP CHUNG

1. Đặt tính rồi tính :

48 + 48 ....

92 - 37 ....

62 + 38 ....

100 - 43 ....

2. Ghi kết quả tính :

15 – 7 + 8 = . . .   17 – 9 + 8 = . . .   8 + 8 – 9 = . . .

6 + 7 – 9 = . . .   9 + 6 – 7 = . . .   17 – 8 + 6 = . . .

12 – 5 + 7 = . . .   14 – 5 + 3 = . . .   6 + 9 – 9 = . . .

3. Viết số thích hợp vào ô trống :

a)

Số hạng	45	24	35	
Số hạng	5		35	56
Tổng		84		96

b)

Số bị trừ	56		79	100
Số trừ	19	28		28
Hiệu		35	39	

4. Thùng bé có 22kg sơn, thùng to có nhiều hơn thùng bé 8kg sơn. Hỏi thùng to có bao nhiêu ki-lô-gam sơn ?

Bài giải

....

....

....

5. Hãy kéo dài đoạn thẳng AB theo chiều mũi tên để được đoạn thẳng AC dài 1dm.



Bài 87 LUYỆN TẬP CHUNG

1. Đặt tính rồi tính :

78 + 6 94 − 7 56 + 19 74 − 28

....

....

....

2. Ghi kết quả tính :

14 + 9 + 7 = . . . 44 + 48 − 38 = . . .

25 + 25 − 19 = . . . 63 − 15 + 27 = . . .

3. Năm nay bà 70 tuổi, bố kém bà 28 tuổi. Hỏi năm nay bố bao nhiêu tuổi ?

Bài giải

....

....

....

4. **Số** ?

a) 62 + 34 = 34 + □ 71 + □ = 19 + 71

b) 36 + 17 = □ + 36 □ + 12 = 12 + 48

5. Viết tiếp vào chỗ chấm :

a) Sinh nhật của em là ngày . . . tháng . . .

b) Chủ nhật của tuần lễ này là ngày . . . tháng . . .

TỰ KIỂM TRA

1. Tính nhẩm :

6 + 8 = . . .   13 − 6 = . . .   7 + 8 = . . .   9 + 9 = . . .

12 − 7 = . . .   4 + 9 = . . .   16 − 9 = . . .   14 − 6 = . . .

2. Đặt tính rồi tính :

36 + 29   84 − 38   45 + 55   90 − 46

....

....

....

3. Tìm x :

a) $x + 27 = 50$ b) $x - 16 = 34$

....

....

4. Long cân nặng 36kg, Bình nhẹ hơn Long 8kg. Hỏi Bình cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

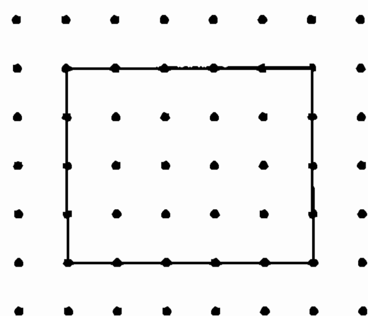
Bài giải

....

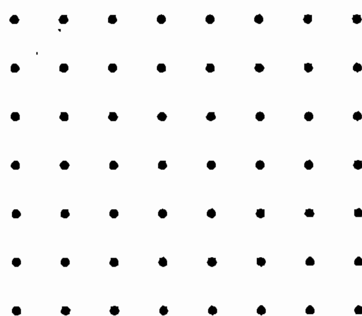
....

....

5. Vẽ hình theo mẫu rồi tô màu vào các hình đó :



Mẫu



BẢNG CỘNG

9 + 2 = 11 9 + 3 = 12 9 + 4 = 13 9 + 5 = 14 9 + 6 = 15 9 + 7 = 16 9 + 8 = 17 9 + 9 = 18	8 + 3 = 11 8 + 4 = 12 8 + 5 = 13 8 + 6 = 14 8 + 7 = 15 8 + 8 = 16	7 + 4 = 11 7 + 5 = 12 7 + 6 = 13 7 + 7 = 14	6 + 5 = 11 6 + 6 = 12

BẢNG TRỪ

11 - 2 = 9 11 - 3 = 8 11 - 4 = 7 11 - 5 = 6 11 - 6 = 5 11 - 7 = 4 11 - 8 = 3 11 - 9 = 2	12 - 3 = 9 12 - 4 = 8 12 - 5 = 7 12 - 6 = 6 12 - 7 = 5 12 - 8 = 4 12 - 9 = 3	13 - 4 = 9 13 - 5 = 8 13 - 6 = 7 13 - 7 = 6 13 - 8 = 5 13 - 9 = 4	14 - 5 = 9 14 - 6 = 8 14 - 7 = 7 14 - 8 = 6 14 - 9 = 5	15 - 6 = 9 15 - 7 = 8 15 - 8 = 7 15 - 9 = 6 16 - 7 = 9 16 - 8 = 8 16 - 9 = 7	17 - 8 = 9 17 - 9 = 8 18 - 9 = 9

VỞ BÀI TẬP TOÁN 2 - TẬP MỘT

Mã số: 1B207T1

In 60.000 bản (QĐ.08BT), khổ 17 x 24 cm; tại Công ty cổ phần In và Vật tư Hải Dương.

Số in: 41/GC; Số xuất bản: 01 - 2011/CXB/695 - 1235/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2011.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

VỞ BÀI TẬP
DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2

1. Vở bài tập Tiếng Việt 2 (tập một, tập hai)
2. Vở bài tập Toán 2 (tập một, tập hai)
3. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2
4. Vở bài tập Đạo đức 2
5. Vở Tập vẽ 2
6. Tập bài hát 2





Giá: 5.900đ